VGP
Ký bởi: Cổng Thông tin điện tử Chính phủ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: Văn phòng Chính phủ
Thời gian ký: 15.04.2015 09:22:52 +07:00

VĂN BẢN HỢP NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Ban hành Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông

Thông tư số 10/2012/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 3 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2012, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Thông tư số 04/2013/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi tốt nghiệp Trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 10/2012/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 3 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 4 năm 2013.

2. Thông tư số 06/2013/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 3 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi tốt nghiệp Trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 10/2012/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 3 năm 2012 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 04/2013/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2013.

3. Thông tư số 09/2014/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi tốt nghiệp Trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 10/2012/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 3 năm 2012 đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2013/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 02 năm 2013 và Thông tư số 06/2013/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 3 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 5 năm 2014.

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục và Nghị định số 31/2011/NĐ-CP ngày11 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục,

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quyết định:[1]

---

[1] Thông tư số 04/2013/TT-BGDĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi tốt nghiệp Trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 10/2012/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 3 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Nghị định số 36/2012/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ;

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục; Nghị định số 31/2011/NĐ-CP ngày 11 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục; Nghị định số 07/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi điểm b khoản 13 Điều 1 của Nghị định số 31/2011/NĐ-CP ngày 11 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục,

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi tốt nghiệp Trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 10/2012/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 3 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo."

Thông tư số 06/2013/TT-BGDĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi tốt nghiệp Trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 10/2012/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 3 năm 2012 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 04/2013/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Nghị định số 36/2012/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ;

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giáo dục; Nghị định số 31/2011/NĐ-CP ngày 11 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giáo dục; Nghị định số 07/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi điểm b khoản 13 Điều 1 của Nghị định số 31/2011/NĐ-CP ngày 11 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giáo dục;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục,

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông.

Điều 2[2]. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 20 tháng 4 năm 2012.

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi tốt nghiệp Trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 10/2012/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 3 năm 2012 và được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2013/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo."

Thông tư số 09/2014/TT-BGDĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi tốt nghiệp Trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 10/2012/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 3 năm 2012 đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2013/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 02 năm 2013 và Thông tư số 06/2013/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 3 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Nghị định số 36/2012/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ;

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giáo dục; Nghị định số 31/2011/NĐ-CP ngày 11 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giáo dục; Nghị định số 07/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi điểm b khoản 13 Điều 1 của Nghị định số 31/2011/NĐ-CP ngày 11 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giáo dục;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục,

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi tốt nghiệp Trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 10/2012/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 3 năm 2012 đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2013/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 02 năm 2013 và Thông tư số 06/2013/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 3 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo."

[2] Điều 2 và Điều 3 của Thông tư số 04/2013/TT-BGDĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi tốt nghiệp Trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 10/2012/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 3 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 4 năm 2013 quy định như sau:

***"Điều 2**. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 4 năm 2013.*

***Điều 3**. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Cục Nhà trường - Bộ Quốc phòng; Giám đốc các sở giáo dục và đào tạo; Giám đốc các đại học, học viện; Hiệu trưởng các trường đại học, cao đẳng; Hiệu trưởng các trường phổ thông dân tộc nội trú trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./."*

Thông tư này thay thế Thông tư số 04/2009/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 3 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông, Thông tư số 05/2010/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 04/2009/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 3 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Thủ trưởng đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc sở giáo dục và đào tạo, Giám đốc các đại học, học viện; Hiệu trưởng các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp; Hiệu trưởng các trường phổ thông dân tộc nội trú trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: 11/VBHN-BGDĐT

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 04 tháng 4 năm 2014

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Vinh Hiển

Điều 2 và Điều 3 của Thông tư số 06/2013/TT-BGDĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi tốt nghiệp Trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 10/2012/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 3 năm 2012 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 04/2013/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2013 quy định như sau:

*"**Điều 2**. **Hiệu lực thi hành***

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2013.

Điều 3**. **Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Cục Nhà trường - Bộ Quốc phòng; Giám đốc các sở giáo dục và đào tạo; Giám đốc các đại học, học viện; Hiệu trưởng các trường đại học, cao đẳng; Hiệu trưởng các trường phổ thông dân tộc nội trú trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./."

Điều 2 và Điều 3 của Thông tư số 09/2014/TT-BGDĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi tốt nghiệp Trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 10/2012/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 3 năm 2012 đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2013/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 02 năm 2013 và Thông tư số 06/2013/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 3 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 5 năm 2014 quy định như sau:

*"**Điều 2**. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 5 năm 2014.*

***Điều 3**. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Cục trưởng Cục Nhà trường - Bộ Quốc phòng; Giám đốc các sở giáo dục và đào tạo; Giám đốc các đại học, học viện; Hiệu trưởng các trường đại học, cao đẳng; Hiệu trưởng các trường phổ thông dân tộc nội trú trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./."*

QUY CHẾ
Thi tốt nghiệp trung học phổ thông

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về thi tốt nghiệp trung học phổ thông, bao gồm: chuẩn bị cho kỳ thi; công tác đề thi; coi thi; chấm thi và phúc khảo; công nhận tốt nghiệp; cấp phát và quản lý bằng tốt nghiệp; chế độ báo cáo và lưu trữ; thanh tra, khen thưởng và xử lý vi phạm.

2. Quy chế này áp dụng đối với trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học, cơ sở giáo dục thường xuyên thực hiện chương trình trung học phổ thông và các cơ sở giáo dục thực hiện chương trình trung học phổ thông (sau đây gọi chung là trường phổ thông); tổ chức và cá nhân tham gia kỳ thi.

Điều 2. Mục đích, yêu cầu

1. Thi tốt nghiệp trung học phổ thông nhằm mục đích:

a) Đánh giá, xác nhận trình độ của người học theo mục tiêu giáo dục sau khi học hết chương trình trung học phổ thông;

b) Làm cơ sở để chuẩn bị cho người học tiếp tục học lên hoặc đi vào cuộc sống lao động, tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

c) Làm cơ sở cho việc đánh giá kết quả dạy và học của trường phổ thông; đánh giá công tác chỉ đạo của cơ quan quản lý giáo dục.

2. Kỳ thi phải đảm bảo các yêu cầu: nghiêm túc, an toàn, công bằng, chính xác, đánh giá đúng trình độ người học, phản ánh đúng chất lượng dạy và học của trường phổ thông.

Điều 3. Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông

Mỗi năm tổ chức một kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông.

Điều 4. Đối tượng và điều kiện dự thi

1. Đối tượng dự thi:

a) Công dân Việt Nam và người nước ngoài đang học tập, sinh sống tại Việt Nam (sau đây gọi chung là người học) đã học hết chương trình trung học phổ thông trong năm tổ chức kỳ thi;

b) Người học đã học hết chương trình trung học phổ thông nhưng không đủ điều kiện dự thi hoặc đã dự thi nhưng chưa tốt nghiệp ở những năm trước và các đối tượng khác được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép dự thi (sau đây gọi chung là thí sinh tự do).

2. Điều kiện dự thi:

a) Đối với giáo dục trung học phổ thông:

Người học theo quy định tại khoản 1 Điều này được công nhận đủ điều kiện dự thi, nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- Đã tốt nghiệp trung học cơ sở;

- Đã học xong chương trình trung học phổ thông; được đánh giá, xếp loại về hạnh kiểm và học lực ở từng lớp học;

- Đánh giá, xếp loại ở lớp 12: hạnh kiểm xếp loại từ trung bình trở lên, học lực không bị xếp loại kém;

- Tổng số buổi nghỉ học trong năm học lớp 12 không quá 45 buổi (nghỉ một lần hoặc nghỉ nhiều lần cộng lại);

- Không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không trong thời gian bị kỷ luật cấm thi.

b) Đối với giáo dục thường xuyên:

Người học theo quy định tại khoản 1 Điều này được công nhận đủ điều kiện dự thi, nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- Đã tốt nghiệp trung học cơ sở;

- Đã học xong chương trình trung học phổ thông;

- Đối với người học trong các trung tâm giáo dục thường xuyên: không bị xếp loại kém về học lực ở lớp 12; nếu là người học trong diện xếp loại hạnh kiểm thì phải có thêm điều kiện hạnh kiểm xếp loại từ trung bình trở lên; không nghỉ quá 45 buổi học trong năm học lớp 12 (nghỉ một lần hoặc nghỉ nhiều lần cộng lại);

- Đối với những người học theo hình thức tự học có hướng dẫn: không bị xếp loại kém về học lực ở lớp 12;

- Không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không trong thời gian bị kỷ luật cấm thi;

- Đăng ký dự thi và có đầy đủ hồ sơ dự thi hợp lệ theo quy định tại Điều 11 của Quy chế này.

c) Thí sinh tự do được công nhận đủ điều kiện dự thi, nếu:

- Đã tốt nghiệp trung học cơ sở;

- Không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không trong thời gian bị kỷ luật cấm thi;

- Trường hợp không đủ điều kiện dự thi do bị xếp loại kém về học lực ở lớp 12, phải đăng ký và dự kỳ kiểm tra cuối năm học tại trường phổ thông nơi học lớp 12 hoặc nơi đăng ký dự thi một số môn học có điểm trung bình dưới 5,0, đảm bảo khi lấy điểm bài kiểm tra thay cho điểm trung bình môn học để tính lại điểm trung bình cả năm thì đủ điều kiện về học lực theo quy định tại điểm a và điểm b của Điều này để dự thi;

- Trường hợp không đủ điều kiện dự thi do bị xếp loại yếu về hạnh kiểm ở lớp 12, phải được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú xác nhận có đủ tư cách, phẩm chất đạo đức và nghiêm chỉnh chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của địa phương.

d) Chậm nhất trước ngày thi 10 ngày, Thủ trưởng trường phổ thông phải thông báo công khai những trường hợp không đủ điều kiện dự thi theo quy định tại các điểm a, điểm b và điểm c khoản 2 của Điều này.

Điều 5. Chương trình và nội dung thi

1. Nội dung thi nằm trong chương trình trung học phổ thông, chủ yếu là chương trình lớp 12.

2. Thí sinh tự do cũng phải thi đủ các môn thi, theo nội dung thi, hình thức thi quy định của năm tổ chức kỳ thi.

Điều 6. Môn thi và hình thức thi

1.[1] Môn thi tốt nghiệp trung học phổ thông gồm 04 (bốn) môn; trong đó có 02 (hai) môn bắt buộc là Toán và Ngữ văn; 02 (hai) môn do thí sinh tự chọn trong số các môn: Vật lý, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lý, Ngoại ngữ.

2. Hình thức thi của mỗi môn thi được quy định trong văn bản hướng dẫn tổ chức thi hàng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 7. Ngày thi, thời gian làm bài thi

1. Ngày thi được Bộ Giáo dục và Đào tạo ấn định trong Kế hoạch thời gian năm học hàng năm.

2.[2] Thời gian làm bài đối với mỗi môn thi:

a) Toán và Ngữ văn: 120 phút;

b) Lịch sử và Địa lý: 90 phút;

c) Vật lý, Hóa học, Sinh học và Ngoại ngữ: 60 phút.

Điều 8. Sử dụng công nghệ thông tin

1. Cán bộ chuyên trách sử dụng công nghệ thông tin làm công tác thi phải am hiểu về công nghệ thông tin, đã qua tập huấn sử dụng phần mềm, có địa chỉ thư điện tử để liên hệ.

---

[1] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 09/2014/TT-BGDĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi tốt nghiệp Trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 10/2012/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 3 năm 2012 đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2013/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 02 năm 2013 và Thông tư số 06/2013/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 3 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 5 năm 2014.

[2] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 09/2014/TT-BGDĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi tốt nghiệp Trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 10/2012/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 3 năm 2012 đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2013/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 02 năm 2013 và Thông tư số 06/2013/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 3 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 5 năm 2014.

2. Mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là tỉnh) phải thiết lập hệ thống trao đổi thông tin thi chính xác, cập nhật giữa trường phổ thông với sở giáo dục và đào tạo, với Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Các đơn vị thống nhất sử dụng phần mềm quản lý thi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; phải thực hiện đúng quy trình, cấu trúc, thời hạn xử lý dữ liệu và chế độ báo cáo theo văn bản hướng dẫn tổ chức thi hàng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Bố trí tại mỗi Hội đồng coi thi, chấm thi, phúc khảo 01 điện thoại bàn (có loa ngoài) và 01 máy vi tính để bàn (nếu có) có khả năng kết nối mạng Internet qua đường truyền ADSL để sử dụng trong các ngày làm việc. Điện thoại và máy vi tính để chung tại một phòng; Chủ tịch Hội đồng coi thi, chấm thi, phúc khảo chịu trách nhiệm quy định việc giám sát, sử dụng điện thoại và máy vi tính này.

Điều 9. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với những người tham gia Hội đồng ra đề thi, Hội đồng coi thi, Hội đồng chấm thi, Hội đồng phúc khảo của kỳ thi

1. Những người tham gia Hội đồng ra đề thi, Hội đồng coi thi, Hội đồng chấm thi, Hội đồng phúc khảo phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Có phẩm chất đạo đức tốt và tinh thần trách nhiệm cao;

b) Nắm vững Quy chế thi, nghiệp vụ liên quan đến nhiệm vụ làm công tác thi được phân công;

c) Không có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em ruột; cha, mẹ, anh, chị, em vợ hoặc chồng; người giám hộ hoặc đỡ đầu; người được giám hộ hoặc được đỡ đầu tham dự kỳ thi;

d) Không đang trong thời gian bị kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a, b, c, d khoản 1 của Điều này, thành viên Hội đồng ra đề thi, chấm thi, phúc khảo còn phải là những người có kinh nghiệm giảng dạy và năng lực chuyên môn tốt.

Chương II
CHUẨN BỊ CHO KỲ THI

Điều 10. Tổ chức Hội đồng coi thi[3]

1. Giám đốc sở giáo dục và đào tạo ra quyết định thành lập các Hội đồng coi thi để thực hiện các công việc chuẩn bị và tổ chức coi thi.

---

[3] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 09/2014/TT-BGDĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi tốt nghiệp Trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 10/2012/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 3 năm 2012 đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2013/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 02 năm 2013 và Thông tư số 06/2013/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 3 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 5 năm 2014.

2. Lập danh sách thí sinh đăng ký dự thi theo Hội đồng coi thi

a) Trong mỗi Hội đồng coi thi, việc lập danh sách thí sinh dự thi ở mỗi phòng thi được thực hiện như sau:

+ Xếp tên thí sinh dự thi theo thứ tự a, b, c,.. đối với các thí sinh không đăng ký thi Ngoại ngữ;

+ Xếp tên thí sinh dự thi theo thứ tự a, b, c,... và theo thứ tự môn thi Tiếng Anh, Tiếng Nga, Tiếng Pháp, Tiếng Trung Quốc, Tiếng Đức, Tiếng Nhật đối với các thí sinh đăng ký thi Ngoại ngữ.

b) Mỗi thí sinh có một số báo danh. Số báo danh của thí sinh gồm 06 (sáu) chữ số được đánh tăng dần, liên tục đến hết số thí sinh của Hội đồng coi thi, đảm bảo trong Hội đồng coi thi không có thí sinh trùng số báo danh.

c) Trong trường hợp Hội đồng coi thi có từ hai trường phổ thông trở lên, việc lập danh sách thí sinh dự thi ở mỗi phòng thi được thực hiện theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều này đối với từng trường.

3. Sắp xếp phòng thi

a) Phòng thi được xếp theo môn thi; trong phòng thi phải đảm bảo khoảng cách tối thiểu giữa 02 (hai) thí sinh ngồi cạnh nhau theo hàng ngang là 1,2 mét; mỗi phòng thi có tối đa 24 (hai mươi tư) thí sinh, riêng phòng thi cuối cùng của Hội đồng coi thi, được xếp đến 28 (hai mươi tám) thí sinh.

Đối với Hội đồng coi thi có từ hai trường phổ thông trở lên, không được xếp thí sinh của các trường khác nhau trong một phòng thi, trừ phòng thi cuối cùng.

Đối với môn Ngoại ngữ, được xếp các thí sinh dự thi các môn Ngoại ngữ khác nhau trong cùng phòng thi nhưng phải thu bài riêng theo môn.

b) Số phòng thi của mỗi Hội đồng coi thi được đánh từ số 001 đến hết.

Điều 11. Đăng ký dự thi

1. Người học theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 của Quy chế này đăng ký dự thi tại trường phổ thông, nơi học lớp 12.

2. Thí sinh tự do được đăng ký dự thi tại trường phổ thông trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh nơi cư trú, theo xác nhận của chính quyền cấp xã.

3. Hồ sơ đăng ký dự thi đối với giáo dục trung học phổ thông gồm:

a) Phiếu đăng ký dự thi theo mẫu do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định;

b) Học bạ trung học phổ thông (bản chính);

c) Giấy khai sinh (bản sao);

d) Bằng tốt nghiệp trung học cơ sở (bản chứng thực);

đ) Các loại giấy chứng nhận để được hưởng chế độ ưu tiên (nếu có) gồm:

- Giấy chứng nhận con của liệt sĩ, thương binh, bệnh binh và những người được hưởng chính sách như thương binh; con của Anh hùng lực lượng vũ trang

nhân dân, Anh hùng lao động do phòng Nội vụ - Lao động - Thương binh và Xã hội huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện) cấp;

- Bản sao sổ đăng ký hộ khẩu thường trú thuộc vùng cao, vùng sâu, khu kinh tế mới, xã đặc biệt khó khăn do Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận;

e)[4] Các loại giấy chứng nhận để được hưởng chế độ cộng điểm khuyến khích (nếu có) gồm:

- Chứng nhận nghề phổ thông;

- Chứng nhận đoạt giải trong các kỳ thi do Ngành Giáo dục tổ chức hoặc phối hợp với các ngành chuyên môn khác từ cấp tỉnh trở lên tổ chức ở cấp trung học phổ thông, gồm: thi học sinh giỏi các môn văn hoá; thi thí nghiệm thực hành (Vật lý, Hóa học, Sinh học); thi văn nghệ; thể dục thể thao; hội thao giáo dục quốc phòng; cuộc thi khoa học kỹ thuật; viết thư quốc tế.

g) Các loại giấy chứng nhận để được hưởng chế độ ưu tiên, hưởng cộng điểm khuyến khích nếu nộp sau ngày thi sẽ không có giá trị để xét hưởng cộng điểm khuyến khích.

4. Hồ sơ đăng ký dự thi đối với giáo dục thường xuyên gồm:

a) Phiếu đăng ký dự thi theo mẫu do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định;

b) Học bạ hoặc phiếu kiểm tra của người học theo hình thức tự học có hướng dẫn (bản chính);

c) Bằng tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc Bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp (bản chứng thực);

d) Các loại giấy chứng nhận để được hưởng chế độ ưu tiên (nếu có) gồm:

- Giấy chứng nhận con của liệt sĩ, thương binh, bệnh binh và những người được hưởng chính sách như thương binh; con của Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động do phòng Nội vụ - Lao động - Thương binh và Xã hội huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện) cấp;

- Bản sao sổ đăng ký hộ khẩu thường trú thuộc vùng cao, vùng sâu, khu kinh tế mới, xã đặc biệt khó khăn do Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.

đ) Các loại giấy chứng nhận để được hưởng chế độ cộng điểm khuyến khích (nếu có) theo quy định tại Điều 34 của Quy chế này;

e) Các loại giấy chứng nhận để được hưởng chế độ ưu tiên, hưởng cộng điểm khuyến khích nếu nộp sau ngày thi sẽ không có giá trị để xét hưởng cộng điểm khuyến khích.

---

[4] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 09/2014/TT-BGDĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi tốt nghiệp Trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 10/2012/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 3 năm 2012 đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2013/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 02 năm 2013 và Thông tư số 06/2013/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 3 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 5 năm 2014.

5. Thí sinh tự do ngoài các hồ sơ quy định tại khoản 3 và khoản 4 của Điều này phải có thêm Giấy xác nhận không trong thời gian bị kỷ luật cấm thi của trường phổ thông nơi dự thi năm trước; Giấy xác nhận của trường phổ thông nơi học lớp 12 hoặc nơi đăng ký dự thi về xếp loại học lực (đối với những học sinh xếp loại kém về học lực quy định tại điểm c khoản 2 Điều 4 của Quy chế này); Giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú về tư cách, phẩm chất đạo đức và việc chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của địa phương (đối với những học sinh xếp loại yếu về hạnh kiểm quy định tại điểm c khoản 2 Điều 4 của Quy chế này).

6. Thời hạn nhận hồ sơ đăng ký dự thi: chậm nhất trước ngày thi 30 ngày. Sau thời hạn này, không nhận thêm hồ sơ đăng ký dự thi.

Chương III
CÔNG TÁC ĐỀ THI

Điều 12. Hội đồng ra đề thi

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định thành lập Hội đồng ra đề thi kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông.

1. Thành phần:

a) Chủ tịch Hội đồng ra đề thi: Lãnh đạo Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng ra đề thi: Phó Cục trưởng Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục hoặc Lãnh đạo phòng Khảo thí thuộc Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, lãnh đạo các đơn vị liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo;

c) Thư ký Hội đồng ra đề thi: cán bộ, chuyên viên các đơn vị thuộc Bộ;

d) Mỗi môn thi có một tổ ra đề thi gồm tổ trưởng, các cán bộ biên soạn đề thi và các cán bộ phản biện đề thi là giảng viên các đại học, học viện, trường đại học, cao đẳng; chuyên viên của các sở giáo dục và đào tạo, giáo viên hoặc đang giảng dạy chương trình trung học phổ thông ở các trường phổ thông;

đ) Lực lượng bảo vệ: cán bộ bảo vệ của cơ quan Bộ Giáo dục và Đào tạo, cán bộ bảo vệ an ninh chính trị nội bộ của Ngành Công an.

2. Nhiệm vụ:

a) Tổ chức soạn thảo các đề thi, hướng dẫn chấm thi của đề chính thức và dự bị;

b) Tổ chức phản biện đề thi và hướng dẫn chấm thi;

c) Tổ chức chuyển đề thi gốc tới các sở giáo dục và đào tạo;

d) Đảm bảo tuyệt đối bí mật, an toàn của đề thi và hướng dẫn chấm thi từ lúc bắt đầu biên soạn đề thi cho tới khi thi xong.

3. Nguyên tắc làm việc:

a) Hội đồng ra đề thi làm việc tập trung theo nguyên tắc cách ly triệt để từ khi bắt đầu làm đề đến hết thời gian thi môn cuối cùng của kỳ thi; Danh sách Hội đồng ra đề thi phải được giữ bí mật tuyệt đối;

b) Các tổ ra đề thi và các thành viên khác của Hội đồng ra đề thi làm việc độc lập và trực tiếp với Lãnh đạo Hội đồng ra đề thi;

c) Mỗi thành viên của Hội đồng ra đề thi phải chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung, về việc đảm bảo bí mật, an toàn của đề thi theo đúng chức trách của mình, theo nguyên tắc bảo vệ bí mật quốc gia.

Điều 13. Yêu cầu của đề thi

1. Đề thi của kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông phải đạt các yêu cầu:

a) Nội dung đề thi nằm trong chương trình trung học phổ thông hiện hành, chủ yếu lớp 12 trung học phổ thông;

b) Kiểm tra bao quát kiến thức cơ bản, năng lực vận dụng kiến thức, sự hiểu biết về thực hành của người học;

c) Đảm bảo tính chính xác, khoa học, tính sư phạm;

d) Phân loại được trình độ của người học;

đ) Phù hợp với thời gian quy định cho từng môn thi;

e) Nếu đề thi tự luận gồm nhiều câu hỏi thì phải ghi rõ số điểm của mỗi câu hỏi vào đề thi; điểm của bài thi tự luận và bài thi trắc nghiệm đều được quy về thang điểm 10;

g) Đề thi phải ghi rõ có mấy trang và có chữ "HẾT" tại điểm kết thúc đề.

2. Trong một kỳ thi, mỗi môn thi có đề thi chính thức và đề thi dự bị với mức độ tương đương về yêu cầu và nội dung; mỗi đề thi có hướng dẫn chấm thi kèm theo.

3. Đề thi và hướng dẫn chấm thi của mỗi môn thi thuộc danh mục tài liệu tối mật theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ cho đến thời điểm hết giờ làm bài của môn thi đó.

Điều 14. Khu vực làm đề thi

1. Khu vực làm đề thi phải là một địa điểm an toàn, biệt lập và được bảo vệ suốt thời gian làm đề thi, có đầy đủ điều kiện về thông tin liên lạc, phương tiện bảo mật, phòng cháy chữa cháy. Người làm việc trong khu vực làm đề thi chỉ hoạt động trong phạm vi cho phép và phải đeo phù hiệu riêng.

2. Các thành viên Hội đồng ra đề thi phải cách ly triệt để từ khi tiến hành làm đề thi cho đến khi thi xong môn cuối cùng của kỳ thi, không được dùng điện thoại hay bất kỳ phương tiện thông tin liên lạc cá nhân nào khác. Trong trường hợp cần thiết, chỉ Lãnh đạo Hội đồng ra đề thi mới được liên hệ bằng điện thoại cố định duy nhất của Hội đồng ra đề thi dưới sự giám sát của cán bộ bảo vệ, công an. Máy

móc và thiết bị tại nơi làm đề thi, dù bị hư hỏng hay không dùng đến, chỉ được đưa ra ngoài khu vực cách ly sau khi thi xong môn cuối cùng của kỳ thi.

3. Mỗi tổ ra đề thi phải thường trực trong suốt thời gian các địa phương in sao đề thi và trong suốt thời gian thí sinh làm bài thi của môn phụ trách để giải đáp và xử lý các vấn đề liên quan đến đề thi.

Các thành viên Hội đồng ra đề thi chỉ được ra khỏi khu vực làm đề thi sau khi thi xong môn thi cuối cùng của kỳ thi. Riêng Tổ trưởng ra đề thi hoặc người được ủy quyền phải trực trong thời gian chấm thi theo sự phân công của Ban Chỉ đạo thi tốt nghiệp trung học phổ thông Trung ương (gọi tắt là Ban Chỉ đạo thi Trung ương).

Điều 15. Quy trình ra đề thi

1. Đề thi đề xuất và câu trắc nghiệm thuộc ngân hàng câu hỏi thi:

a) Đề thi đề xuất và câu trắc nghiệm thuộc ngân hàng câu hỏi thi là căn cứ tham khảo quan trọng cho Hội đồng ra đề thi, phải đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 13 của Quy chế này;

b) Đề thi (tự luận) đề xuất do một số chuyên gia khoa học, giảng viên, giáo viên có uy tín và năng lực khoa học ở một số cơ sở giáo dục đại học và trường phổ thông đề xuất theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đề thi đề xuất và danh sách người ra đề thi đề xuất phải được giữ bí mật tuyệt đối;

c) Các đề thi đề xuất do chính người ra đề thi đề xuất niêm phong và gửi về địa chỉ được ghi trong công văn đề nghị;

d) Đối với đề thi theo phương pháp trắc nghiệm:

- Cán bộ Hội đồng ra đề thi rút câu hỏi trắc nghiệm từ ngân hàng câu trắc nghiệm.

- Tổ trưởng môn thi phân công các thành viên trong tổ ra đề, thẩm định từng câu trắc nghiệm theo đúng yêu cầu về nội dung đề thi được quy định tại Điều 13 của Quy chế này.

- Tổ ra đề làm việc chung, lần lượt chỉnh sửa từng câu trắc nghiệm trong đề thi dự kiến.

- Sau khi chỉnh sửa lần cuối Tổ trưởng môn thi ký tên vào đề thi và giao cho Chủ tịch Hội đồng ra đề thi.

- Cán bộ Hội đồng ra đề thi thực hiện khâu trộn đề thi thành nhiều phiên bản khác nhau.

- Tổ ra đề rà soát từng phiên bản đề thi, đáp án và ký tên vào từng phiên bản của đề thi.

e) Người ra đề thi đề xuất và những người khác tiếp xúc với đề thi đề xuất và câu trắc nghiệm lấy từ ngân hàng câu hỏi thi phải giữ bí mật tuyệt đối các đề thi đề xuất và câu trắc nghiệm, không được phép công bố dưới bất kỳ hình thức nào, trong bất cứ thời gian nào.

2. Soạn thảo đề thi:

Căn cứ yêu cầu của đề thi, mỗi tổ ra đề thi có trách nhiệm soạn thảo đề thi, hướng dẫn chấm thi (chính thức và dự bị) cho một môn thi. Việc soạn thảo đề thi và hướng dẫn chấm thi phải đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 13 của Quy chế này.

3. Phản biện đề thi:

a) Sau khi soạn thảo, các đề thi được tổ chức phản biện. Các cán bộ phản biện đề thi có trách nhiệm đọc và đánh giá đề thi theo các yêu cầu quy định tại Điều 13 của Quy chế này; đề xuất phương án chỉnh lý, sửa chữa đề thi nếu thấy cần thiết;

b) Ý kiến đánh giá của các cán bộ phản biện đề thi là một căn cứ giúp Chủ tịch Hội đồng ra đề thi trong việc quyết định duyệt đề thi.

Điều 16. In sao đề thi

1. Mỗi tỉnh, thành phố chỉ thành lập một Hội đồng in sao đề thi tốt nghiệp trung học phổ thông.

2. Thành phần Hội đồng in sao đề thi:

a) Chủ tịch Hội đồng in sao đề thi: Một lãnh đạo sở giáo dục và đào tạo. Trường hợp đặc biệt được thay bằng trưởng phòng khảo thí và quản lý chất lượng giáo dục (gọi tắt là phòng khảo thí) hoặc trưởng phòng giáo dục trung học hoặc trưởng phòng giáo dục thường xuyên;

b) Các Phó Chủ tịch Hội đồng in sao đề thi: Trưởng hoặc phó trưởng phòng khảo thí hoặc phòng giáo dục trung học hoặc phòng giáo dục thường xuyên;

c) Thư ký và ủy viên Hội đồng in sao đề thi là chuyên viên, cán bộ, giáo viên, nhân viên do sở giáo dục và đào tạo quản lý. Số lượng thư ký và ủy viên do Giám đốc sở giáo dục và đào tạo quy định;

d) Lực lượng bảo vệ là cán bộ bảo vệ của cơ quan sở giáo dục và đào tạo, cán bộ bảo vệ an ninh chính trị nội bộ của Ngành Công an.

3. Nhiệm vụ của Giám đốc sở giáo dục và đào tạo: Chịu trách nhiệm toàn bộ về việc tiếp nhận đề thi gốc còn nguyên niêm phong của Bộ Giáo dục và Đào tạo; quy định thời gian in sao đề thi, số lượng đề thi in sao, chuyển giao đề thi gốc còn nguyên niêm phong cho Chủ tịch Hội đồng in sao đề thi; tiếp nhận hoặc ủy quyền cho người khác tiếp nhận đề thi in sao đã được niêm phong; tổ chức chuyển đề thi đã được niêm phong đến các Hội đồng coi thi; đảm bảo an toàn, bí mật của đề thi trong quá trình vận chuyển;

4. Nhiệm vụ của Hội đồng in sao đề thi:

a) Tiếp nhận, bảo quản đề thi gốc còn nguyên niêm phong của Bộ Giáo dục và Đào tạo do Giám đốc sở giáo dục đào tạo chuyển đến, chịu trách nhiệm toàn bộ về sự an toàn, bí mật của đề thi;

b) In sao đề thi các môn theo số lượng được giao và niêm phong đề thi cho từng phòng thi; nếu có vướng mắc, đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo giải đáp về kỹ thuật in sao, nội dung đề thi trong quá trình in sao;

c) Tổ chức in sao đề thi theo quy định và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo; in sao đề thi lần lượt cho từng môn thi theo lịch thi, in sao xong, vào bì, niêm phong, đóng gói đến từng phòng thi, thu dọn sạch sẽ, sau đó mới chuyển sang in sao đề thi của môn tiếp theo;

d) Chuyển giao các bì đề thi đã niêm phong cho Giám đốc sở giáo dục và đào tạo hoặc người được Giám đốc sở giáo dục và đào tạo ủy quyền bằng văn bản.

5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng in sao đề thi:

a) Chịu trách nhiệm tổ chức, quản lý và chỉ đạo Hội đồng in sao đề thi thực hiện nhiệm vụ được giao; phân công nhiệm vụ cho các thành viên;

b) Đề nghị khen thưởng, xử lý vi phạm đối với các thành viên của Hội đồng in sao đề thi.

6. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng in sao đề thi:

Hội đồng in sao đề thi làm việc tập trung theo nguyên tắc cách ly triệt để từ khi mở niêm phong đề thi gốc đến khi thi xong môn cuối cùng của kỳ thi. Quy định này là không bắt buộc đối với Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo sở giáo dục và đào tạo với điều kiện Chủ tịch Hội đồng không tiếp xúc với đề thi kể từ khi bắt đầu mở niêm phong bì đựng đề thi.

Người làm việc trong khu vực in sao đề thi chỉ hoạt động trong phạm vi cho phép, phải đeo phù hiệu riêng và không được dùng điện thoại hay bất kỳ phương tiện thông tin liên lạc cá nhân nào khác. Trong trường hợp cần thiết, chỉ Lãnh đạo Hội đồng in sao đề thi mới được liên hệ bằng điện thoại cố định duy nhất của Hội đồng in sao đề thi dưới sự giám sát của cán bộ bảo vệ, công an. Máy móc và thiết bị tại khu vực cách ly in sao đề thi, dù bị hư hỏng hay không dùng đến, chỉ được đưa ra ngoài khu vực đó sau khi thi xong môn cuối cùng của kỳ thi.

Điều 17. Xử lý các sự cố bất thường

1. Trường hợp đề thi có những sai sót:

a) Nếu phát hiện sai sót của đề thi trong quá trình in sao, Lãnh đạo Hội đồng in sao đề thi phải báo cáo ngay với Hội đồng ra đề thi theo số điện thoại riêng ghi trong văn bản hướng dẫn in sao đề thi để có phương án xử lý;

b) Nếu phát hiện sai sót của đề thi trong quá trình coi thi, Hội đồng coi thi phải báo cáo ngay với Ban Chỉ đạo thi cấp tỉnh; Ban Chỉ đạo thi cấp tỉnh báo cáo Ban Chỉ đạo thi Trung ương để có phương án xử lý;

Tùy theo tính chất và mức độ sai sót, tùy theo thời gian phát hiện sớm hay muộn, Ban Chỉ đạo thi Trung ương giao cho Chủ tịch Hội đồng ra đề thi cân nhắc và quyết định xử lý theo một trong các phương án sau:

- Chỉ đạo các Hội đồng coi thi sửa chữa kịp thời các sai sót và thông báo cho thí sinh biết, nhưng không kéo dài thời gian làm bài;

- Chỉ đạo các Hội đồng coi thi sửa chữa các sai sót, thông báo cho thí sinh biết và kéo dài thích đáng thời gian làm bài cho thí sinh;

- Chỉ đạo các Hội đồng coi thi không sửa chữa, vẫn để thí sinh làm bài. Sau đó sẽ xử lý khi chấm thi (có thể điều chỉnh đáp án và thang điểm trong Hướng dẫn chấm thi cho thích hợp);

- Tổ chức thi lại môn có sự cố bằng đề thi dự bị vào thời gian thích hợp, sau buổi thi cuối cùng của kỳ thi.

2. Trường hợp đề thi bị lộ:

a) Chỉ có Ban Chỉ đạo thi Trung ương mới có thẩm quyền kết luận về tình huống lộ đề thi. Khi đề thi chính thức bị lộ, Ban Chỉ đạo thi Trung ương quyết định đình chỉ môn thi bị lộ đề. Các môn thi khác vẫn tiếp tục bình thường theo lịch. Môn bị lộ đề sẽ được thi bằng đề thi dự bị vào thời gian thích hợp, sau buổi thi cuối cùng của kỳ thi;

b) Ban Chỉ đạo thi Trung ương có trách nhiệm phối hợp với các ngành chức năng để kiểm tra, xác minh, kết luận nguyên nhân lộ đề thi, người làm lộ đề thi và những người liên quan, tiến hành xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp thiên tai xảy ra bất thường trong những ngày thi:

a) Nếu thiên tai xảy ra nghiêm trọng trên quy mô toàn quốc, Ban Chỉ đạo thi Trung ương báo cáo Bộ trưởng quyết định lùi buổi thi vào thời gian thích hợp;

b) Nếu thiên tai xảy ra trong phạm vi hẹp ở một số địa phương, Ban Chỉ đạo thi cấp tỉnh của các địa phương có thiên tai phải huy động sự hỗ trợ của các lực lượng trên địa bàn dưới sự chỉ đạo của cấp ủy và chính quyền địa phương để thực hiện các phương án dự phòng, kể cả việc thay đổi địa điểm thi. Nếu xảy ra tình huống bất khả kháng, Ban Chỉ đạo thi cấp tỉnh báo cáo Ban Chỉ đạo thi Trung ương cho phép lùi môn thi vào thời gian thích hợp sau buổi thi cuối cùng của kỳ thi với đề thi dự bị; các môn còn lại vẫn thi theo lịch chung.

4. Các trường hợp bất thường khác đều phải được báo cáo và xử lý kịp thời theo phân cấp quản lý, chỉ đạo kỳ thi.

Chương IV
COI THI

Điều 18. Hội đồng coi thi

1. Giám đốc sở giáo dục và đào tạo ra quyết định thành lập các Hội đồng coi thi để thực hiện các công việc chuẩn bị và tổ chức coi thi tại đơn vị.

2. Thành phần Hội đồng coi thi:

a) Chủ tịch Hội đồng coi thi: Lãnh đạo trường phổ thông có năng lực quản lý, trình độ chuyên môn, nắm vững Quy chế thi;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng coi thi: lãnh đạo, tổ trưởng tổ chuyên môn hoặc thư ký Hội đồng trường phổ thông có năng lực quản lý, nắm vững Quy chế thi;

c) Thư ký Hội đồng coi thi: tổ trưởng, phó tổ trưởng tổ chuyên môn hoặc thư ký Hội đồng trường phổ thông, giáo viên của trường phổ thông, nắm vững Quy chế thi;

d) Giám thị: giáo viên có tinh thần trách nhiệm, nắm vững Quy chế thi, đang dạy tại các trường phổ thông hoặc trường trung học cơ sở;

đ) Công an, bảo vệ và nhân viên phục vụ.

3. Việc cử các thành viên mỗi Hội đồng coi thi phải bảo đảm:

a) Chủ tịch Hội đồng coi thi và các Phó Chủ tịch Hội đồng coi thi (trừ các Phó Chủ tịch Hội đồng coi thi phụ trách cơ sở vật chất), 1/2 số thư ký trở lên và toàn bộ giám thị được điều động đến từ những cơ sở giáo dục không có học sinh dự thi tại Hội đồng coi thi;

b) Trong mỗi phòng thi phải đủ 2 giám thị; số giám thị ngoài phòng thi được bố trí tùy theo yêu cầu riêng của từng Hội đồng coi thi;

c) Số lượng thành viên của Hội đồng coi thi do Giám đốc sở giáo dục và đào tạo quy định. Mỗi Hội đồng coi thi phải có một số thành viên dự phòng ít nhất bằng 10% so với tổng số thành viên chính thức để điều động khi cần thiết.

4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng coi thi:

a) Nhiệm vụ:

- Kiểm tra toàn bộ cơ sở vật chất, các thủ tục cần thiết, các điều kiện an ninh, trật tự, phòng cháy, chữa cháy; rà soát đội ngũ lãnh đạo, thư ký và giám thị (về số lượng, chất lượng) của Hội đồng coi thi, đảm bảo cho kỳ thi được tiến hành an toàn, nghiêm túc;

- Tiếp nhận và bảo quản an toàn đề thi, tổ chức coi thi và thực hiện các công việc đảm bảo cho công tác coi thi;

- Thu và bảo quản bài thi, không để thất lạc, mất bài thi, tờ giấy thi; lập các biên bản, hồ sơ theo quy định; bàn giao toàn bộ bài thi, các biên bản và hồ sơ coi thi cho sở giáo dục và đào tạo;

- Kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy chế thi của các thành viên trong Hội đồng coi thi và thí sinh;

- Quản lý kinh phí theo chế độ tài chính hiện hành.

b) Quyền hạn:

- Từ chối tiếp nhận nơi đặt địa điểm thi của Hội đồng coi thi, trình Ban Chỉ đạo thi cấp tỉnh xem xét giải quyết nếu thấy không đủ các điều kiện về cơ sở vật chất, các điều kiện an toàn cho công tác coi thi;

- Từ chối tiếp nhận đề thi nếu phát hiện thấy dấu hiệu không đảm bảo bí mật của đề thi và báo cáo Ban Chỉ đạo thi cấp tỉnh, xin chủ trương giải quyết;

- Tùy theo mức độ sai phạm, áp dụng kỷ luật từ khiển trách đến đình chỉ thi hoặc đề nghị cấm thi từ 01 đến 02 năm đối với thí sinh vi phạm Quy chế thi;

- Tùy theo mức độ vi phạm Quy chế thi, thực hiện việc nhắc nhở đến đình chỉ nhiệm vụ đối với giám thị và các nhân viên tham gia làm thi hoặc đề nghị các cấp có thẩm quyền có hình thức kỷ luật đối với các giám thị và nhân viên vi phạm Quy chế thi.

5. Nhiệm vụ và quyền hạn của các thành viên Hội đồng coi thi:

a) Chủ tịch Hội đồng coi thi:

- Điều hành và chịu trách nhiệm về toàn bộ công việc của Hội đồng coi thi;

- Tổ chức cho các thành viên của Hội đồng coi thi và thí sinh học tập Quy chế, nắm vững và thực hiện các quy định của kỳ thi;

- Phân công giám thị phòng thi đảm bảo khách quan, chặt chẽ, thực hiện nguyên tắc: hai giám thị trong một phòng thi phải là giáo viên dạy khác trường; giám thị không coi thi quá một môn đối với mỗi phòng thi; hai giám thị không cùng coi thi quá một lần;

- Xem xét, quyết định hoặc đề nghị áp dụng hình thức kỷ luật đối với những người vi phạm Quy chế thi và các quy định của kỳ thi;

- Trực tiếp báo cáo và tổ chức thực hiện các phương án xử lý khi xảy ra những trường hợp quy định tại Điều 17 của Quy chế này sau khi tham khảo ý kiến các thành viên trong Hội đồng coi thi;

- Bàn giao toàn bộ bài thi, hồ sơ coi thi đã niêm phong cho Giám đốc sở giáo dục và đào tạo.

b) Phó Chủ tịch Hội đồng coi thi:

- Giúp Chủ tịch Hội đồng coi thi trong công tác điều hành và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng coi thi về phần việc được phân công;

- Trong thời gian thi, Phó Chủ tịch Hội đồng coi thi phụ trách cơ sở vật chất chỉ được có mặt tại khu vực phòng thi khi cần thiết, theo chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng coi thi.

c) Thư ký Hội đồng coi thi: giúp Chủ tịch Hội đồng coi thi soạn thảo các văn bản, lập các bảng biểu cần thiết, ghi biên bản các cuộc họp và biên bản tường thuật quá trình làm việc của Hội đồng coi thi; thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Hội đồng coi thi phân công.

d) Giám thị:

- Giám thị trong phòng thi:

+ Tổ chức, hướng dẫn và kiểm tra, giám sát thí sinh trong phòng thi thực hiện đúng Quy chế, nội quy thi;

+ Nhận đề thi từ Chủ tịch Hội đồng coi thi và phát đề thi cho thí sinh tại phòng thi; ký tên vào giấy nháp và giấy làm bài của thí sinh;

+ Niêm phong và bàn giao đề thi thừa cho Chủ tịch Hội đồng coi thi hoặc người được Chủ tịch Hội đồng coi thi ủy quyền tại phòng thi;

+ Thu bài làm của thí sinh, kiểm tra đủ số bài, số tờ của từng bài, sắp xếp theo trình tự số báo danh, cho vào túi và nộp đầy đủ cho Chủ tịch Hội đồng coi thi hoặc người được Chủ tịch Hội đồng coi thi ủy quyền;

+ Lập biên bản và đề nghị xử lý kỷ luật những thí sinh vi phạm Quy chế thi. [5]

- Riêng đối với coi thi môn thi trắc nghiệm, ngoài các công việc nêu trên, giám thị trong phòng thi phải thực hiện các công việc sau:

+ Nhận túi đề thi, phiếu trả lời trắc nghiệm (TLTN), hồ sơ thi liên quan mang về phòng thi; ký tên vào giấy nháp và phiếu TLTN;

+ Phát phiếu TLTN và giấy nháp, hướng dẫn thí sinh điền vào các mục từ 1 đến 9 trên phiếu TLTN;

+ Phát đề thi cho thí sinh sao cho 2 thí sinh ngồi cạnh nhau (theo cả hàng ngang và hàng dọc) không có cùng mã đề thi. Khi phát đề thi, yêu cầu thí sinh để đề thi dưới phiếu TLTN và không được xem đề thi. Khi thí sinh cuối cùng nhận được đề thi thì cho phép thí sinh lật đề thi lên và ghi, tô mã đề thi vào phiếu TLTN, ghi mã đề thi vào hai phiếu thu bài thi;

+ Kiểm tra việc ghi và tô mã đề thi vào phiếu TLTN của thí sinh (so sánh mã đề thi đã ghi, tô trên phiếu TLTN và ghi trên phiếu thu bài thi với mã đề thi ghi trên tờ đề thi của thí sinh);

+ Không cho thí sinh ra khỏi phòng thi và không thu phiếu TLTN trước khi hết giờ làm bài;

---

[5] Đoạn: "- Giám thị trong phòng thi:

+ Tổ chức, hướng dẫn và kiểm tra, giám sát thí sinh trong phòng thi thực hiện đúng Quy chế, nội quy thi;

+ Nhận đề thi từ Chủ tịch Hội đồng coi thi và giao đề thi cho thí sinh tại phòng thi;

+ Thu bài do thí sinh nộp, kiểm tra đủ số bài, số tờ của từng bài và nộp đầy đủ cho Chủ tịch Hội đồng coi thi hoặc người được Chủ tịch Hội đồng coi thi uỷ quyền;

+ Lập biên bản và đề nghị kỷ luật những thí sinh vi phạm Quy chế thi" được sửa đổi bởi đoạn:

"- Giám thị trong phòng thi:

+ Tổ chức, hướng dẫn và kiểm tra, giám sát thí sinh trong phòng thi thực hiện đúng Quy chế, nội quy thi;

+ Nhận đề thi từ Chủ tịch Hội đồng coi thi và phát đề thi cho thí sinh tại phòng thi; ký tên vào giấy nháp và giấy làm bài của thí sinh;

+ Niêm phong và bàn giao đề thi thừa cho Chủ tịch Hội đồng coi thi hoặc người được Chủ tịch Hội đồng coi thi ủy quyền tại phòng thi;

+ Thu bài làm của thí sinh, kiểm tra đủ số bài, số tờ của từng bài, sắp xếp theo trình tự số báo danh, cho vào túi và nộp đầy đủ cho Chủ tịch Hội đồng coi thi hoặc người được Chủ tịch Hội đồng coi thi uỷ quyền;

+ Lập biên bản và đề nghị xử lý kỷ luật những thí sinh vi phạm Quy chế thi." theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 04/2013/TT-BGDĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi tốt nghiệp Trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 10/2012/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 3 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 4 năm 2013.

+ Bàn giao cho Chủ tịch Hội đồng coi thi hoặc người được Chủ tịch Hội đồng coi thi ủy quyền toàn bộ phiếu TLTN (đã được xếp sắp theo số báo danh từ nhỏ đến lớn) và một bản phiếu thu bài thi (đã điền mã đề thi và có đủ chữ ký thí sinh) được bỏ vào túi bài thi. Một bản phiếu thu bài thi còn lại để bên ngoài túi bài thi được bàn giao cho Chủ tịch Hội đồng coi thi hoặc người được Chủ tịch Hội đồng coi thi ủy quyền (để chuyển cho Thủ trưởng đơn vị lưu giữ, quản lý độc lập với Tổ chấm thi trắc nghiệm).

- Giám thị ngoài phòng thi:

+ Theo dõi, giám sát thí sinh và giám thị trong phòng thi thực hiện Quy chế thi tại khu vực được Chủ tịch Hội đồng coi thi phân công;

+ Thực hiện một số công việc cần thiết phục vụ nhiệm vụ coi thi do Chủ tịch Hội đồng coi thi phân công.

đ) Công an, bảo vệ và nhân viên phục vụ kỳ thi:

- Công an, bảo vệ và nhân viên phục vụ kỳ thi do Chủ tịch Hội đồng coi thi trực tiếp điều hành, chịu trách nhiệm về phần việc được phân công nhằm bảo đảm cho kỳ thi tiến hành được nghiêm túc, an toàn;

- Công an, bảo vệ và nhân viên phục vụ kỳ thi không được vào khu vực phòng thi, kể cả hành lang phòng thi khi thí sinh đang làm bài, trừ trường hợp được Chủ tịch Hội đồng coi thi cho phép.

6. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng coi thi: tất cả mọi người tham gia tổ chức thi đều phải được học tập, nắm vững Quy chế thi; tuyệt đối không được mang theo và sử dụng các phương tiện thu, phát thông tin cá nhân trong khu vực thi khi các buổi thi đang diễn ra.

Điều 19. Phòng thi

1. Sắp xếp phòng thi theo quy định tại khoản 3 Điều 10 của Quy chế này.

2.[6] Cửa vào phòng thi phải niêm yết:

a) Bảng danh sách thí sinh trong phòng thi theo từng môn thi;

b) Quy định về vật dụng được mang vào phòng thi.

Điều 20. Các vật dụng được mang vào phòng thi[7]

Thí sinh chỉ được mang vào phòng thi bút viết, bút chì, compa, tẩy, thước kẻ, thước tính, máy tính bỏ túi không có thẻ nhớ cắm thêm vào và không soạn thảo

---

[6] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 09/2014/TT-BGDĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi tốt nghiệp Trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 10/2012/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 3 năm 2012 đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2013/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 02 năm 2013 và Thông tư số 06/2013/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 3 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 5 năm 2014.

[7] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 04/2013/TT-BGDĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi tốt nghiệp Trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 10/2012/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 3 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 4 năm 2013.

được văn bản, Atlat Địa lí Việt Nam đối với môn thi Địa lí (do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam ấn hành, không được đánh dấu hoặc viết thêm bất cứ nội dung gì), các loại máy ghi âm và ghi hình chỉ có chức năng ghi thông tin mà không truyền được thông tin và không nhận được tín hiệu âm thanh và hình ảnh trực tiếp nếu không có thiết bị hỗ trợ khác.

Điều 21. Trách nhiệm của thí sinh

1. Có mặt tại địa điểm thi đúng ngày, giờ quy định, chấp hành hiệu lệnh của Hội đồng coi thi và hướng dẫn của giám thị. Thí sinh đến chậm quá 15 phút sau khi có hiệu lệnh tính giờ làm bài sẽ không được dự thi.

2. Xuất trình thẻ dự thi hoặc giấy chứng minh nhân dân cho giám thị khi gọi đến tên và số báo danh của mình. Giám thị cho phép mới được vào phòng thi; ngồi đúng chỗ ghi số báo danh trong phòng thi.

3. Khi nhận đề thi, phải kiểm soát kỹ số trang và chất lượng các trang in. Nếu phát hiện thấy đề thiếu trang hoặc rách, hỏng, nhòe, mờ phải báo cáo ngay với giám thị phòng thi, chậm nhất 15 phút sau khi phát đề.

4. Không được trao đổi bàn bạc, quay cóp hoặc có những cử chỉ, hành động gian lận và làm mất trật tự phòng thi. Muốn phát biểu phải giơ tay để báo cáo giám thị. Khi được phép nói, thí sinh đứng báo cáo rõ với giám thị ý kiến của mình.

5. Phải viết bài thi rõ ràng, không được đánh dấu hoặc làm ký hiệu riêng, không được viết bằng bút chì (trừ vẽ đường tròn bằng com pa và tô các ô trên phiếu trả lời trắc nghiệm); chỉ được viết bằng một thứ mực (không được dùng mực đỏ); phần viết hỏng phải dùng thước gạch chéo; không được tẩy, xóa bằng bất kỳ cách gì.

6. Đối với đề thi có phần tự chọn, thí sinh chỉ được làm bài một trong hai phần tự chọn; nếu làm bài cả hai phần tự chọn thì không được chấm điểm cả hai phần tự chọn.

7.[8] Từng môn thi, ký tên vào bảng ghi tên dự thi.

8. Khi có hiệu lệnh hết giờ làm bài, phải ngừng viết ngay.

9. Khi nộp bài thi, phải ghi rõ số tờ giấy thi đã nộp và ký xác nhận vào phiếu thu bài thi. Không làm được bài cũng phải nộp giấy thi. Không nộp giấy nháp.

10. Không được rời khỏi phòng thi trong suốt thời gian làm bài thi trắc nghiệm. Đối với môn thi tự luận, thí sinh có thể được ra khỏi phòng thi sau khi hết 2/3 thời gian làm bài của môn thi; trước khi ra khỏi phòng thi phải nộp bài thi kèm theo đề thi, giấy nháp.

---

[8] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 09/2014/TT-BGDĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi tốt nghiệp Trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 10/2012/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 3 năm 2012 đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2013/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 02 năm 2013 và Thông tư số 06/2013/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 3 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 5 năm 2014.

11. Trong trường hợp đặc biệt, chỉ được ra khỏi phòng thi khi được phép của giám thị trong phòng thi và phải chịu sự giám sát của giám thị ngoài phòng thi hoặc cán bộ của Hội đồng coi thi do Chủ tịch Hội đồng coi thi phân công.

12. Khi dự thi các môn trắc nghiệm:

a) Thí sinh phải làm bài thi trên phiếu TLTN được in sẵn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; bài làm phải có hai chữ ký của hai giám thị. Trên phiếu TLTN chỉ được viết một thứ mực, không phải là mực đỏ. Các ô số báo danh, ô mã đề thi, ô trả lời chỉ được tô bằng bút chì đen. Trong trường hợp tô nhầm hoặc muốn thay đổi câu trả lời, thí sinh phải tẩy sạch chì ở ô cũ, rồi tô kín ô khác mà mình lựa chọn;

b) Điền chính xác và đủ thông tin vào các mục trống ở phía trên phiếu TLTN, đối với số báo danh phải tô đủ cả 6 ô (kể cả các số 0 phía trước); điền chính xác mã đề thi vào hai phiếu thu bài thi;

c) Khi nhận đề thi phải để đề thi dưới tờ phiếu TLTN; không được xem đề thi khi giám thị chưa cho phép;

d) Phải kiểm tra đề thi để đảm bảo: đề thi có đủ số lượng câu trắc nghiệm như đã ghi trong đề; nội dung đề được in rõ ràng, không thiếu chữ, mất nét; tất cả các trang của đề thi đều ghi cùng một mã đề thi. Nếu có những chi tiết bất thường trong đề thi, hoặc có 2 đề thi trở lên, thí sinh phải báo ngay cho giám thị để xử lý;

đ) Khi hết giờ làm bài thi trắc nghiệm, có lệnh thu bài thí sinh phải ngừng làm bài, đặt phiếu TLTN lên trên đề thi và chờ nộp phiếu TLTN theo hướng dẫn của giám thị. Thí sinh không làm được bài vẫn phải nộp phiếu TLTN. Khi nộp phiếu TLTN, thí sinh phải ký tên vào hai phiếu thu bài thi;

e) Thí sinh không được nộp bài thi trước khi hết giờ làm bài. Chỉ được rời phòng thi sau khi giám thị đã kiểm đủ số phiếu TLTN của cả phòng thi và cho phép thí sinh ra về.

13. Khi có sự việc bất thường xảy ra, phải tuyệt đối tuân theo sự hướng dẫn của giám thị.

Điều 22. Công việc của Hội đồng coi thi

1. Chủ tịch Hội đồng coi thi, Phó Chủ tịch Hội đồng coi thi, Thư ký Hội đồng coi thi có mặt tại địa điểm thi trước ngày thi (thời gian cụ thể do Giám đốc sở giáo dục và đào tạo quy định) và thực hiện các công việc sau:

a) Kiểm tra việc chuẩn bị cho kỳ thi, tiếp nhận địa điểm thi, cơ sở vật chất và các phương tiện để tổ chức kỳ thi;

b) Tiếp nhận hồ sơ thi, niêm yết danh sách thí sinh dự thi;

c) Giải quyết những công việc cần thiết của kỳ thi, thống nhất những quy định về hiệu lệnh, phương pháp tiến hành kỳ thi, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên của Hội đồng coi thi; tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại khoản 2 của Điều này.

2. Các giám thị trong Hội đồng coi thi có mặt tại địa điểm thi trước ngày thi ít nhất 01 ngày để họp Hội đồng coi thi, nghiên cứu Quy chế, các văn bản, các quy định có liên quan đến kỳ thi, kiểm tra hồ sơ thi, kiểm tra điều kiện cơ sở vật chất phục vụ thi và làm một số phần việc của Hội đồng coi thi.

3.[9] Trước khi tiến hành buổi thi đầu tiên, Hội đồng coi thi phải tập trung toàn bộ thí sinh và toàn thể Hội đồng coi thi để tổ chức khai mạc kỳ thi. Từ môn thi thứ 2, trước mỗi môn thi phải họp Hội đồng coi thi để rút kinh nghiệm coi thi môn trước, phổ biến những việc cần làm và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên.

4. Bảo quản đề thi:

Sau khi nhận đề thi, Chủ tịch Hội đồng coi thi chịu trách nhiệm về việc bảo quản đề thi chưa sử dụng.

5. Niêm phong theo các môn thi[10]:

a)[11] Giám thị trong phòng thi phải niêm phong các đề thi không sử dụng đến (đề thừa) và bàn giao cho thư ký Hội đồng coi thi ngay tại phòng thi.

Sau mỗi môn thi, Hội đồng coi thi phải niêm phong ngay bài thi và các bì đề thừa của môn thi đó trước tập thể Hội đồng coi thi.

b) Túi bài thi và hồ sơ coi thi được niêm phong đựng trong các hòm, tủ phải được khóa và niêm phong, để trong một phòng chắc chắn, an toàn. Tại phòng này có một thành viên của Hội đồng coi thi và một Lãnh đạo Hội đồng coi thi trực bảo vệ 24/24 giờ;

c) Cần lập biên bản riêng về từng việc: mở bì đề thi trước giờ thi, niêm phong, mở niêm phong, trực bảo vệ, bàn giao hồ sơ thi.

6. Sau khi thi xong môn cuối cùng, Hội đồng coi thi họp để:

a) Nhận xét đánh giá việc tổ chức kỳ thi;

b) Đề nghị khen thưởng, kỷ luật;

---

[9] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 09/2014/TT-BGDĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi tốt nghiệp Trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 10/2012/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 3 năm 2012 đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2013/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 02 năm 2013 và Thông tư số 06/2013/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 3 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 5 năm 2014.

[10] Cụm từ "buổi thi" được sửa đổi bởi cụm từ "môn thi" theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Thông tư số 09/2014/TT-BGDĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi tốt nghiệp Trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 10/2012/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 3 năm 2012 đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2013/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 02 năm 2013 và Thông tư số 06/2013/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 3 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 5 năm 2014.

[11] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Thông tư số 09/2014/TT-BGDĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi tốt nghiệp Trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 10/2012/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 3 năm 2012 đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2013/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 02 năm 2013 và Thông tư số 06/2013/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 3 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 5 năm 2014.

c) Chứng kiến và ký xác nhận việc niêm phong bài thi, các hồ sơ thi của kỳ thi, ký vào biên bản tổng kết Hội đồng coi thi.

7. Niêm phong và gửi bài thi:

a)[12] Túi số 1: đựng bài thi và 01 Phiếu thu bài thi theo phòng thi của mỗi môn thi. Giám thị trong phòng thi thu bài, nộp bài thi cho Chủ tịch Hội đồng coi thi hoặc người được Chủ tịch Hội đồng coi thi ủy quyền; sau khi thu nhận và kiểm tra số lượng bài thi, số tờ giấy thi của phòng thi, người nhận bài thi trực tiếp niêm phong túi số 1 trước hai giám thị nộp bài thi, rồi cùng ký vào mép giấy niêm phong bên ngoài túi;

b) Túi số 2: chứa các túi số 1 theo môn thi. Ngay sau khi việc niêm phong các túi số 1 được hoàn tất, Chủ tịch Hội đồng coi thi hoặc người được Chủ tịch Hội đồng coi thi ủy quyền trực tiếp niêm phong túi số 2 trước toàn thể các thành viên của Hội đồng coi thi. Bên ngoài túi số 2 có chữ ký vào mép giấy niêm phong của 2 đại diện giám thị, 2 thư ký và Chủ tịch Hội đồng coi thi;

c)[13] Túi số 3: đựng hồ sơ coi thi, gồm bảng ghi tên, ghi điểm đã có chữ ký của các thí sinh dự thi, 01 phiếu thu bài thi theo phòng thi của mỗi môn thi, các loại biên bản lập tại phòng thi và biên bản của Hội đồng coi thi; các đề thừa đã niêm phong. Bên ngoài túi số 3 có chữ ký vào mép giấy niêm phong của 01 đại diện giám thị, 01 thư ký và Chủ tịch Hội đồng coi thi;

d) Chủ tịch Hội đồng coi thi chịu trách nhiệm về việc niêm phong, đóng gói, bảo quản và bàn giao trực tiếp toàn bộ bài thi và hồ sơ thi của Hội đồng coi thi cho sở giáo dục và đào tạo.

Chương V
CHẤM THI, CHẤM KIỂM TRA, CHẤM THẨM ĐỊNH VÀ PHÚC KHẢO[14]

Điều 23. Hội đồng chấm thi

1. Giám đốc sở giáo dục và đào tạo ra quyết định thành lập Hội đồng chấm thi tốt nghiệp trung học phổ thông (gọi tắt là Hội đồng chấm thi).

---

[12] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 10 Điều 1 của Thông tư số 09/2014/TT-BGDĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi tốt nghiệp Trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 10/2012/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 3 năm 2012 đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2013/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 02 năm 2013 và Thông tư số 06/2013/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 3 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 5 năm 2014.

[13] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 10 Điều 1 của Thông tư số 09/2014/TT-BGDĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi tốt nghiệp Trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 10/2012/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 3 năm 2012 đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2013/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 02 năm 2013 và Thông tư số 06/2013/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 3 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 5 năm 2014.

[14] Cụm từ: "CHẤM THI VÀ PHÚC KHẢO" được sửa đổi bởi cụm từ: "CHẤM THI, CHẤM KIỂM TRA, CHẤM THẨM ĐỊNH VÀ PHÚC KHẢO" theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 04/2013/TT-BGDĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi tốt nghiệp Trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 10/2012/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 3 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 4 năm 2013.

2. Hội đồng chấm thi có một tổ chấm thi trắc nghiệm và bộ phận giám sát gồm 01 cán bộ thanh tra và 01 cán bộ công an (PA83).

Tổ chấm thi trắc nghiệm thực hiện việc chấm trên máy các bài thi trắc nghiệm theo văn bản hướng dẫn chấm thi trắc nghiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo dưới sự giám sát trực tiếp, liên tục của bộ phận giám sát.

Bộ phận giám sát có nhiệm vụ giám sát việc thực hiện quy trình chấm thi trắc nghiệm của các thành viên tổ chấm thi; không tiếp xúc với bài thi.

3. Hội đồng chấm thi có một bộ phận làm phách bài thi tự luận, độc lập với các tổ chấm thi. Bộ phận làm phách và các tổ chấm bài thi tự luận được bố trí sao cho các thành viên của Hội đồng chấm thi không được tiếp xúc với bài thi tự luận của học sinh trường phổ thông nơi họ công tác.

4. Thành phần Hội đồng chấm thi:

a) Chủ tịch Hội đồng chấm thi: Lãnh đạo sở giáo dục và đào tạo hoặc trưởng phòng khảo thí hoặc trưởng phòng giáo dục trung học hoặc trưởng phòng giáo dục thường xuyên thuộc sở giáo dục

b)[15] Phó Chủ tịch Hội đồng chấm thi: Lãnh đạo phòng khảo thí, phòng giáo dục trung học, phòng giáo dục thường xuyên thuộc sở giáo dục và đào tạo hoặc Lãnh đạo trường phổ thông. Chủ tịch Hội đồng chấm thi phân công các Phó Chủ tịch Hội đồng chấm thi phụ trách chấm các môn thi, chấm kiểm tra theo quy định tại Điều 25a của Quy chế này;

c) Thư ký Hội đồng chấm thi: công chức phòng khảo thí, phòng giáo dục trung học, phòng giáo dục thường xuyên thuộc sở giáo dục và đào tạo; lãnh đạo hoặc thư ký Hội đồng giáo dục trường phổ thông;

d) Giám khảo: giáo viên trong biên chế, giáo viên cơ hữu các trường phổ thông của tỉnh đã hoặc đang dạy môn thi;

đ) Tổ trưởng, Phó tổ trưởng tổ chấm thi: Tổ trưởng, Phó tổ trưởng tổ chuyên môn các trường phổ thông hoặc giáo viên có năng lực chuyên môn, đã dạy lớp 12 ít nhất 02 năm, có kinh nghiệm chấm thi.

5. Số lượng thành viên của Hội đồng chấm thi do Giám đốc sở giáo dục và đào tạo quyết định nhằm chấm bài thi chính xác, đúng tiến độ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng chấm thi:

a) Nhiệm vụ:

- Kiểm tra và tiếp nhận địa điểm, cơ sở vật chất và phương tiện làm việc của Hội đồng chấm thi;

---

[15] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 04/2013/TT-BGDĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi tốt nghiệp Trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 10/2012/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 3 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 4 năm 2013.

- Nhận toàn bộ bài thi, hồ sơ coi thi do các Hội đồng coi thi bàn giao;

- Chịu trách nhiệm bảo quản bài thi và hồ sơ coi thi đã nhận, trong suốt thời gian chấm thi;

- Tiếp nhận văn bản hướng dẫn chấm thi của Bộ Giáo dục và Đào tạo từ Giám đốc sở giáo dục và đào tạo và in sao để phục vụ việc chấm thi của Hội đồng chấm thi;

- Tổ chức chấm thi theo văn bản hướng dẫn chấm thi của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Tổ chức nhập điểm bài thi đã chấm vào máy tính theo phần mềm quản lý thi;

- Đánh giá tổng quát về chất lượng bài thi trắc nghiệm, bài thi tự luận của thí sinh. Góp ý kiến về đề thi, hướng dẫn chấm thi của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Giao nộp đầy đủ hồ sơ chấm thi và bài thi đã chấm cho sở giáo dục và đào tạo.

b) Quyền hạn:

- Chỉ tiến hành chấm thi khi địa điểm làm việc có đủ điều kiện, phương tiện để đảm bảo sự an toàn của Hội đồng chấm thi và việc đánh giá chính xác, công bằng kết quả kỳ thi và không chấm thi những bài thi vi phạm Quy chế thi đã bị Hội đồng coi thi lập biên bản đề nghị hủy kết quả thi;

- Lập biên bản đề nghị Giám đốc sở giáo dục và đào tạo xử lý kết quả của những bài thi có dấu hiệu vi phạm Quy chế do Hội đồng chấm thi phát hiện;

- Xét duyệt và đề nghị công nhận tốt nghiệp cho thí sinh.

7. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Hội đồng chấm thi:

a) Chủ tịch Hội đồng chấm thi:

- Điều hành và chịu trách nhiệm về toàn bộ công việc của Hội đồng chấm thi;

- Xem xét, kết luận và đề nghị các hình thức kỷ luật đối với những người vi phạm Quy chế thi trong giới hạn công việc được giao phụ trách;

- Đề nghị khen thưởng các thành viên có thành tích;

- Yêu cầu giám khảo chấm lại những bài thi của thí sinh khi thấy giám khảo đó chấm không đúng hướng dẫn chấm thi. Đình chỉ việc chấm thi của giám khảo khi giám khảo đó cố tình chấm sai mặc dù đã yêu cầu chấm lại;

- Chỉ đạo và phân công thực hiện việc lên điểm, hồi phách, xử lý kết quả chấm thi.

b) Phó Chủ tịch Hội đồng chấm thi: giúp Chủ tịch Hội đồng chấm thi điều hành một số công việc thuộc trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng chấm thi và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng chấm thi về những phần việc được phân công;

c) Thư ký Hội đồng chấm thi: chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng chấm thi về việc soạn thảo các văn bản, lập các bảng biểu theo quy định, ghi biên bản các cuộc họp của Hội đồng chấm thi;

d) Các thành viên khác: thực hiện nhiệm vụ theo sự điều hành và phân công của Chủ tịch Hội đồng chấm thi.

Điều 24. Khu vực chấm thi

1. Khu vực chấm thi bao gồm nơi chấm thi và nơi bảo quản bài thi được bố trí gần nhau, có đủ phương tiện bảo quản an toàn và bảo mật bài thi, được tổ chức bảo vệ 24/24 giờ.

2. Cửa phòng bảo quản bài thi được niêm phong sau mỗi buổi chấm. Mỗi lần niêm phong, mở niêm phong phải có sự chứng kiến của Chủ tịch Hội đồng chấm thi (hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng chấm thi được Chủ tịch Hội đồng chấm thi ủy quyền), thanh tra thi và thư ký Hội đồng chấm thi.

3. Tuyệt đối không được mang các phương tiện thu phát thông tin, sao chép tài liệu, giấy tờ riêng và các loại bút không nằm trong quy định của Hội đồng chấm thi vào và ra khỏi khu vực chấm thi.

Điều 25. Công việc của Hội đồng chấm thi

1. Chủ tịch Hội đồng chấm thi, Phó Chủ tịch Hội đồng chấm thi và Thư ký Hội đồng chấm thi phải có mặt tại địa điểm chấm thi trước khi tiến hành chấm thi theo thời gian cụ thể do Giám đốc sở giáo dục và đào tạo quy định để thực hiện các công việc sau:

- Tiếp nhận địa điểm chấm thi, kiểm tra công tác chuẩn bị, cơ sở vật chất và các phương tiện để tổ chức chấm thi;

- Nhận toàn bộ bài thi, hồ sơ coi thi do các Hội đồng coi thi bàn giao;

- Thống nhất những quy định chung về tổ chức chấm thi, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên của Hội đồng chấm thi;

- Tổ chức cho giám khảo và những người làm công tác phục vụ tại Hội đồng chấm thi đều học tập, nắm vững Quy chế thi và các quy định về chấm thi, nghiệm vụ trong chấm thi; không được mang theo phương tiện thu, phát thông tin cá nhân khi đang làm nhiệm vụ trong khu vực chấm thi;

2. Quy định về chấm bài thi tự luận:

a) Bộ phận làm phách phải giữ bí mật toàn bộ các nội dung liên quan đến phách của bài thi tự luận và thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Đánh số phách, cắt phách, niêm phong đầu phách trước khi giao bài cho Chủ tịch Hội đồng chấm thi hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng chấm thi được Chủ tịch Hội đồng chấm thi ủy quyền;

- Giao bài thi đã cắt phách cho Chủ tịch Hội đồng chấm thi hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng chấm thi được Chủ tịch Hội đồng chấm thi ủy quyền;

- Bảo quản đầu phách; xử lý các sự cố kỹ thuật liên quan đến phách theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng chấm thi hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng chấm thi được Chủ tịch Hội đồng chấm thi ủy quyền;

- Giao đầu phách (còn nguyên niêm phong) cho Chủ tịch Hội đồng chấm thi hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng chấm thi được Chủ tịch Hội đồng chấm thi ủy quyền sau khi Hội đồng chấm thi hoàn thành việc lên điểm theo số phách;

- Thực hiện các công việc khác do Chủ tịch Hội đồng chấm thi phân công.

b) Tổ trưởng, Phó tổ trưởng tổ chấm thi:

- Phải có mặt trước khi chấm thi một ngày để nghiên cứu trước văn bản hướng dẫn chấm thi và chuẩn bị cho việc chấm thi của tổ;

- Nghiên cứu trước và tổ chức cho các giám khảo trong tổ nghiên cứu văn bản hướng dẫn chấm thi; tổ chức chấm chung theo quy định;

- Phân công giám khảo trong từng buổi chấm; giữ bí mật Danh sách phân công giám khảo chấm 2 vòng độc lập;

- Nhận bài thi từ Chủ tịch Hội đồng chấm thi hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng chấm thi được Chủ tịch Hội đồng chấm thi ủy quyền, giao bài thi cho các giám khảo trong tổ chấm, quản lý bài thi tại phòng chấm và giao lại cho Chủ tịch Hội đồng chấm thi hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng chấm thi được Chủ tịch Hội đồng chấm thi ủy quyền khi kết thúc mỗi buổi chấm;

- Điều hành, kiểm tra, giám sát việc chấm thi của các giám khảo trong tổ chấm thi; làm công tác thống kê, báo cáo theo quy định của Hội đồng chấm thi;

- Cử giám khảo tham gia lên điểm, hồi phách theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng chấm thi;

- Điều hành và giám sát việc kiểm tra lại điểm bài thi của các giám khảo.

c) Giám khảo:

- Chấm thi, đánh giá và cho điểm các bài thi theo đúng văn bản hướng dẫn chấm thi của Bộ Giáo dục và Đào tạo; ghi điểm bài thi vào phiếu chấm và biên bản chấm thi do Hội đồng chấm thi cấp;

- Quản lý số bài thi được giao;

- Tham gia lên điểm, hồi phách bài thi theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng chấm thi;

- Đối chiếu, kiểm tra, xác nhận sự thống nhất giữa điểm trên bài thi với điểm ghi trong các biên bản do bộ phận làm phách gửi lại.

d) Trước khi giám khảo chấm bài thi tự luận, Tổ trưởng tổ chấm thi tổ chức cho các thành viên nghiên cứu văn bản hướng dẫn chấm thi của Bộ Giáo dục và Đào tạo và tiến hành chấm chung ít nhất 15 bài thi để giúp cho mọi giám khảo của tổ nhất quán thực hiện văn bản hướng dẫn chấm thi của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Các bài chấm chung phải được cho điểm ngay sau khi thống nhất điểm, phải ghi rõ "bài chấm chung" kèm theo chữ ký của Tổ trưởng tổ chấm thi và ít nhất 2 giám khảo.

Nếu trong tổ chấm thi có ý kiến thắc mắc không tự giải quyết được hoặc phát hiện có sự nhầm lẫn trong văn bản hướng dẫn chấm thi của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì lập biên bản đề nghị Chủ tịch Hội đồng chấm thi xin ý kiến chỉ đạo của cấp trên, tuyệt đối không được tự thay đổi văn bản hướng dẫn chấm thi và biểu điểm.

đ) Mỗi bài thi tự luận phải được hai giám khảo chấm độc lập, ghi điểm riêng theo số phách vào phiếu chấm cá nhân.

Giám khảo thứ nhất, ngoài những nét gạch chéo trên các phần giấy bỏ trống trong bài làm, không được ghi gì vào bài làm của thí sinh; điểm thành phần, điểm toàn bài và nhận xét được ghi vào phiếu chấm.

Giám khảo thứ hai, ngoài việc ghi vào phiếu chấm cá nhân, phải ghi họ, tên vào ô quy định trên bài thi, ghi điểm thành phần vào lề bài thi, ngay cạnh ý được chấm.

Sau khi các bài thi của mỗi túi bài đã được hai giám khảo chấm xong, Tổ trưởng tổ chấm thi giao lại cho hai giám khảo đó thống nhất rồi ghi tổng hợp, điểm thành phần, điểm toàn bài vào góc trái phía trên bên lề bài thi; ghi điểm toàn bài vừa bằng chữ, vừa bằng số vào cột thống nhất điểm trong phiếu chấm của hai giám khảo rồi cùng ký tên.

Điểm của bài thi được ghi bằng mực đỏ; nếu có sự thay đổi điểm thì gạch chéo điểm đã cho và ghi điểm mới bằng cả số và chữ rồi hai giám khảo cùng ký tên để xác nhận việc sửa điểm.

e) Xử lý kết quả chấm độc lập:

- Xử lý kết quả 2 lần chấm độc lập như sau:

+ Điểm toàn bài bằng nhau hoặc lệch dưới 1,0 điểm: hai giám khảo thảo luận thống nhất điểm, rồi ghi điểm (bằng số và bằng chữ), ghi rõ họ tên và ký vào bài thi của thí sinh;

+ Điểm toàn bài lệch nhau từ 1,0 điểm đến dưới 2,0 điểm: hai giám khảo đối thoại và báo cáo Tổ trưởng tổ chấm thi để thống nhất điểm, sau đó ghi điểm (bằng số và bằng chữ), ghi rõ họ tên và ký vào bài thi của thí sinh. Nếu đối thoại không thống nhất được điểm thì Tổ trưởng tổ chấm thi quyết định điểm; Tổ trưởng tổ chấm thi và hai giám khảo ghi điểm (bằng số và bằng chữ), ghi rõ họ tên và ký vào bài thi của thí sinh;

+ Điểm toàn bài lệch nhau từ 2,0 điểm trở lên: Tổ trưởng tổ chấm thi tổ chức chấm lần thứ ba, phân công một giám khảo khác chấm trực tiếp vào bài thi của thí sinh bằng màu mực khác.

- Xử lý kết quả 3 lần chấm như sau:

+ Nếu kết quả 2 trong 3 lần chấm giống nhau: Tổ trưởng tổ chấm thi lấy điểm giống nhau làm điểm chính thức, rồi cùng các giám khảo chấm bài thi ghi điểm (bằng số và bằng chữ), ghi rõ họ tên và ký vào bài thi của thí sinh;

+ Nếu kết quả 3 lần chấm lệch nhau đến dưới 3,0 điểm: Tổ trưởng tổ chấm thi lấy điểm trung bình cộng của 3 lần chấm làm điểm chính thức, rồi cùng các giám khảo chấm bài thi ghi điểm (bằng số và bằng chữ), ghi rõ họ tên và ký vào bài thi của thí sinh;

+ Nếu kết quả 3 lần chấm lệch nhau từ 3,0 điểm trở lên: Tổ trưởng tổ chấm thi tổ chức chấm tập thể, đại diện giám khảo và Tổ trưởng tổ chấm thi ghi rõ họ tên và ký vào bài thi của thí sinh. Điểm chấm lần này là điểm chính thức của bài thi.

g) Ngoài Hội đồng phúc khảo, tuyệt đối không được chấm lại bài thi đã hồi phách;

h) Việc ghi điểm bài thi vào bảng ghi điểm thi của mỗi phòng thi do bộ phận hồi phách thực hiện theo phương thức: một người đọc, một người kiểm tra đọc, một người ghi, một người kiểm tra ghi. Nếu có nhầm lẫn thì người ghi điểm gạch chéo điểm ghi sai, ghi điểm mới bên cạnh, ghi rõ lý do sửa điểm ở phần chú thích và ký tên người ghi điểm, người kiểm tra. Cuối mỗi bảng ghi điểm thi phải ghi rõ: họ tên người đọc, người kiểm tra đọc, người ghi, người kiểm tra ghi, tổng số điểm sửa đổi, rồi cả 4 người cùng ký;

Trường hợp nhập điểm thi bằng máy vi tính: bảo đảm một người đọc, một người nhập điểm, một người kiểm tra đọc, một người kiểm tra nhập điểm và cuối bảng ghi điểm thi phải ghi rõ họ, tên của cả 4 người và 4 người cùng ký.

3. Quy định về chấm bài thi trắc nghiệm:

a) Bài làm của thí sinh (phiếu TLTN) phải được chấm bằng máy và phần mềm chuyên dụng. Phần mềm chấm phải có chức năng dò kiểm và xác định được các lỗi làm phần riêng của thí sinh để chấm đúng theo Quy chế;

b) Thành phần tổ chấm thi trắc nghiệm: Tổ trưởng là Lãnh đạo Hội đồng chấm thi, các thành viên là cán bộ và kỹ thuật viên, Bộ phận giám sát gồm thanh tra do thủ trưởng đơn vị phân công và cán bộ công an;

c) Trong quá trình chấm thi trắc nghiệm phải bố trí bộ phận giám sát trực tiếp và liên tục từ khi mở niêm phong túi đựng phiếu trả lời trắc nghiệm đến khi kết thúc chấm thi. Các thành viên tham gia xử lý phiếu TLTN tuyệt đối không được mang theo bút chì, tẩy vào phòng chấm thi và không được sửa chữa, thêm bớt vào phiếu TLTN của thí sinh với bất kỳ lí do gì. Mọi hiện tượng bất thường đều phải báo cáo ngay cho Bộ phận giám sát và Tổ trưởng để cùng xác nhận và ghi vào biên bản. Sau khi quét, tất cả phiếu TLTN và phiếu thu bài thi được niêm phong, lưu giữ và bảo mật tại đơn vị;

d) Sau khi quét phải tiến hành kiểm dò để đối chiếu hết lỗi logic và sửa các lỗi kỹ thuật (nếu có) ở quá trình quét. Đối với những môn đề thi có hai phần (phần chung và phần riêng), phải sử dụng chức năng của phần mềm chấm thi lọc ra tất cả các bài thi sinh làm cả hai phần riêng và kiểm dò thật kỹ để đảm bảo quyền lợi cho thí sinh;

đ) Lưu dữ liệu quét:

Dữ liệu quét (được xuất ra từ phần mềm, đảm bảo cấu trúc và yêu cầu theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo) được ghi vào 02 đĩa CD giống nhau, được niêm phong dưới sự giám sát của công an. Một đĩa giao cho Chủ tịch Hội đồng chấm thi lưu giữ, một đĩa gửi chuyển phát nhanh về Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, chậm nhất là 10 ngày sau khi thi xong môn cuối cùng của kỳ thi;

Chỉ sau khi đã gửi đĩa CD dữ liệu quét về Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Tổ chấm thi trắc nghiệm mới được mở niêm phong đĩa CD chứa dữ liệu chấm để tiến hành chấm điểm;

e) Chấm điểm: Tổ chấm thi trắc nghiệm tiến hành quy đổi bằng máy tính từ thang điểm 100 sang thang điểm 10 (điểm lẻ đến 0,5) cho từng bài thi trắc nghiệm. Thống nhất sử dụng mã môn thi trong các tệp dữ liệu như quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo.

g) Báo cáo kết quả chấm:

Ngay sau khi kết thúc quá trình chấm, phải lưu vào đĩa CD để gửi về Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục các tệp dữ liệu xử lý và chấm thi trắc nghiệm chính thức (được xuất ra từ phần mềm, đảm bảo cấu trúc và yêu cầu theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Điều 25a. Chấm kiểm tra, chấm thẩm định[16]

1. Chấm kiểm tra

a) Mỗi Hội đồng chấm thi có một tổ chấm kiểm tra bài thi tự luận, độc lập với các tổ chấm thi.

b) Thành phần của tổ chấm kiểm tra:

- Tổ trưởng là Phó Chủ tịch Hội đồng chấm thi; Chủ tịch Hội đồng chấm thi có thể phân công một thành viên của Hội đồng chấm thi làm Phó tổ trưởng, nếu thấy cần thiết;

- Các tổ viên là cán bộ, giáo viên có phẩm chất đạo đức và chuyên môn tốt.

c) Nhiệm vụ và quyền hạn của tổ chấm kiểm tra:

- Thực hiện chấm kiểm tra ít nhất 5% số lượng bài thi của mỗi môn thi tự luận, theo tiến độ chấm của Hội đồng chấm thi;

- Báo cáo kết quả chấm kiểm tra và kiến nghị, đề xuất với Chủ tịch Hội đồng chấm thi vào cuối mỗi buổi chấm;

---

[16] Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 04/2013/TT-BGDĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi tốt nghiệp Trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 10/2012/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 3 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 4 năm 2013.

- Trực tiếp làm việc với các tổ chấm thi và giám khảo có liên quan theo chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng chấm thi (có ghi biên bản làm việc).

2. Chấm thẩm định

a) Trong trường hợp cần thiết, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định thành lập Hội đồng chấm thẩm định bài thi tự luận của các Hội đồng chấm thi;

b) Hội đồng chấm thẩm định chịu trách nhiệm cuối cùng và trình Bộ trưởng việc xử lý điểm chính thức của bài thi.

Điều 26. Phúc khảo bài thi

1. Mọi thí sinh đều có quyền xin phúc khảo bài thi và phải nộp lệ phí phúc khảo theo quy định.

2. Trình tự và thủ tục:

a) Thí sinh phải có đơn xin phúc khảo bài thi trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày niêm yết công khai kết quả của kỳ thi;

b) Thủ tục:

- Thí sinh nộp đơn xin phúc khảo bài thi cho trường phổ thông nơi nộp hồ sơ dự thi tốt nghiệp;

- Trường phổ thông lập danh sách thí sinh đề nghị phúc khảo trong đó ghi rõ điểm bài thi của môn xin phúc khảo; sau đó, nộp sở giáo dục và đào tạo danh sách đề nghị phúc khảo và đơn xin phúc khảo bài thi của thí sinh;

- Sở giáo dục và đào tạo có trách nhiệm tiếp nhận và chuyển đến Hội đồng phúc khảo toàn bộ danh sách và đơn xin phúc khảo bài thi.

3. Đối với mỗi kỳ thi tốt nghiệp, việc phúc khảo bài thi chỉ thực hiện một lần.

4. Bài thi trắc nghiệm được phúc khảo theo quy trình riêng do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định trong văn bản hướng dẫn tổ chức thi hàng năm.

5. Hội đồng phúc khảo:

Giám đốc sở giáo dục và đào tạo thành lập một Hội đồng phúc khảo để phúc khảo các bài thi tại địa phương trong các trường hợp sau:

- Có đơn xin phúc khảo của thí sinh;

- Ban Chỉ đạo thi cấp tỉnh yêu cầu;

- Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc Ban Chỉ đạo thi Trung ương yêu cầu.

6. Thành phần của Hội đồng phúc khảo:

a) Chủ tịch Hội đồng phúc khảo: Lãnh đạo sở giáo dục và đào tạo;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng phúc khảo: Lãnh đạo phòng khảo thí, phòng giáo dục trung học, phòng giáo dục thường xuyên;

c) Thư ký Hội đồng phúc khảo: công chức phòng khảo thí, phòng giáo dục trung học, phòng giáo dục thường xuyên;

d) Giám khảo: giáo viên có kinh nghiệm của các trường phổ thông đã hoặc đang dạy môn thi lớp 12.

7. Nhiệm vụ, quyền hạn và nguyên tắc, thể thức làm việc của Hội đồng phúc khảo:

a) Nhiệm vụ của Hội đồng phúc khảo:

- Xem xét hồ sơ phúc khảo; phúc khảo bài trắc nghiệm do sở giáo dục và đào tạo chuyển đến;

- Rút bài thi tự luận, làm phách mới; tổ chức chấm lại bài thi theo văn bản hướng dẫn chấm, đảm bảo đúng nguyên tắc hai giám khảo chấm độc lập trên một bài thi;

- Kết luận điểm mới của bài thi để xét tốt nghiệp hoặc chuyển xếp loại tốt nghiệp cho học sinh:

+ Đối với bài thi tự luận:

Khi điểm chấm lại chênh lệch so với điểm chấm lần trước từ 1,0 điểm trở lên đối với môn Ngữ văn và từ 0,5 điểm trở lên đối với các môn khác, thì điểm phúc khảo là điểm mới của bài thi;

Khi điểm chấm lại chênh lệch so với điểm chấm lần trước từ 2,0 điểm trở lên thì phải tổ chức đối thoại giữa cặp chấm của Hội đồng chấm thi và cặp chấm của Hội đồng phúc khảo. Điểm mới của bài thi là điểm được thống nhất giữa cặp chấm của Hội đồng chấm thi và cặp chấm của Hội đồng phúc khảo. Những trường hợp không thống nhất về điểm bài thi và không kết luận được khuyết điểm thuộc về cặp chấm của Hội đồng chấm thi thì giữ nguyên điểm của Hội đồng chấm thi.

+ Đối với bài thi trắc nghiệm: khi điểm chấm lại chênh lệch so với điểm chấm lần trước thì điểm phúc khảo là điểm mới của bài thi.

- Lập các biên bản, danh sách thí sinh được thay đổi điểm, thí sinh được công nhận tốt nghiệp, chuyển xếp loại tốt nghiệp do phúc khảo và chuyển cho sở giáo dục và đào tạo;

- Niêm phong riêng các bài thi trắc nghiệm, các bài thi tự luận đã phúc khảo kèm theo phách và bàn giao cho sở giáo dục và đào tạo lưu trữ.

b) Lập hồ sơ phúc khảo, bao gồm: Quyết định thành lập Hội đồng phúc khảo, các biên bản của Hội đồng phúc khảo, danh sách thí sinh được thay đổi điểm bài thi, các biên bản đối thoại giữa các cặp chấm thi (nếu có);

c) Bài thi tự luận (và phách kèm theo) được thay đổi điểm phải niêm phong và bảo quản riêng.

8. Thời hạn phúc khảo:

a) Thời hạn phúc khảo bài thi do Giám đốc sở giáo dục và đào tạo quyết định, chậm nhất 10 ngày kể từ ngày niêm yết kết quả của kỳ thi;

b) Thời gian làm việc của Hội đồng phúc khảo không kéo dài quá 10 ngày;

c) Kết quả phúc khảo được niêm yết công khai ngay sau khi Hội đồng phúc khảo hoàn tất công việc.

9. Trong trường hợp cần thiết, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo thành lập Hội đồng phúc khảo quốc gia:

- Thành phần và số lượng ủy viên Hội đồng phúc khảo quốc gia do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định;

- Hội đồng phúc khảo quốc gia có nhiệm vụ chấm lại các bài thi và thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định;

10. Các khiếu nại khác về thi (ngoài điểm bài thi và hồ sơ thi) do thanh tra giáo dục giải quyết.

Chương VI
CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Mục 1
MIỄN THI VÀ ĐẶC CÁCH TỐT NGHIỆP

Điều 27. Miễn thi tốt nghiệp

1. Đối tượng:

a) Người học lớp 12 được tham gia kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế, khu vực các môn văn hóa;

b)[17] Người học lớp 12 được tuyển chọn tham gia các cuộc thi quốc tế hoặc khu vực về khoa học kỹ thuật, thể dục thể thao, văn hóa văn nghệ;

c)[18] Người học khuyết tật.

2. Điều kiện:

a) Ngoài số ngày nghỉ học quy định tại điểm a và b khoản 2 Điều 4 của Quy chế này, các đối tượng ở điểm a và điểm b khoản 1 của Điều này còn phải có các điều kiện dưới đây:

- Được triệu tập vào học kỳ 2 lớp 12;

---

[17] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 11 Điều 1 của Thông tư số 09/2014/TT-BGDĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi tốt nghiệp Trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 10/2012/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 3 năm 2012 đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2013/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 02 năm 2013 và Thông tư số 06/2013/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 3 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 5 năm 2014.

[18] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 11 Điều 1 của Thông tư số 09/2014/TT-BGDĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi tốt nghiệp Trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 10/2012/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 3 năm 2012 đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2013/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 02 năm 2013 và Thông tư số 06/2013/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 3 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 5 năm 2014.

- Xếp loại cả năm lớp 12: hạnh kiểm loại tốt, học lực từ loại khá trở lên (đối với đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 của Điều này) hoặc từ trung bình trở lên (đối với đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 của Điều này);

- Có tên trong danh sách miễn thi của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc có công văn đề nghị miễn thi và xác nhận tham dự tập huấn và dự thi đúng quy định của cơ quan tuyển chọn gửi đến sở giáo dục và đào tạo trước ngày thi tốt nghiệp.

b) Đối với người học khuyết tật[19]:

- Đối với người khuyết tật học theo chương trình giáo dục chung:

+ Học hết chương trình trung học phổ thông; đủ điều kiện dự thi theo quy định tại khoản 2 Điều 4 của Quy chế này;

+ Có giấy xác nhận khuyết tật do cơ quan có thẩm quyền cấp.

- Đối với người khuyết tật không đáp ứng được chương trình giáo dục chung:

+ Được Hiệu trưởng trường phổ thông nơi đăng ký học tập xác nhận kết quả thực hiện Kế hoạch giáo dục cá nhân từng năm ở cấp trung học phổ thông;

+ Có giấy xác nhận khuyết tật do cơ quan có thẩm quyền cấp.

3. Người học thuộc diện miễn thi được công nhận tốt nghiệp và xếp loại tốt nghiệp theo các tiêu chuẩn dưới đây:

a) Loại giỏi:

- Năm học lớp 12 được xếp loại học lực giỏi, hạnh kiểm tốt;

- Được tính tương đương với tốt nghiệp loại giỏi có điểm xếp loại tốt nghiệp là 9,0 điểm.

b) Loại khá:

- Năm học lớp 12 được xếp loại học lực và hạnh kiểm đều từ loại khá trở lên;

- Được tính tương đương với tốt nghiệp loại khá có điểm xếp loại tốt nghiệp là 7,0 điểm.

c) Loại trung bình: các trường hợp còn lại.

4. Người học diện miễn thi nếu muốn có điểm xếp loại tốt nghiệp cao hơn thì phải dự thi tốt nghiệp.

Điều 28. Đặc cách tốt nghiệp

1. Đối tượng và điều kiện:

---

[19] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 12 Điều 1 của Thông tư số 09/2014/TT-BGDĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi tốt nghiệp Trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 10/2012/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 3 năm 2012 đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2013/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 02 năm 2013 và Thông tư số 06/2013/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 3 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 5 năm 2014.

Người học thuộc các đối tượng quy định tại Điều 4 của Quy chế này nếu đủ điều kiện dự thi được xét đặc cách tốt nghiệp trong các trường hợp sau:

a) Bị ốm hoặc có việc đột xuất đặc biệt, không quá 10 ngày trước ngày thi hoặc ngay trong buổi thi đầu tiên, không thể dự thi.

- Điều kiện: xếp loại về học lực và hạnh kiểm cả năm ở lớp 12 đều từ khá trở lên;

- Hồ sơ:

+ Hồ sơ nhập viện, ra viện do bệnh viện từ cấp huyện trở lên cấp (nếu bị ốm) hoặc xác nhận của UBND cấp xã nơi cư trú (nếu có việc đột xuất đặc biệt);

+ Biên bản đề nghị xét đặc cách tốt nghiệp của trường phổ thông nơi đăng ký dự thi.

b) Bị ốm hay có việc đột xuất đặc biệt sau khi đã thi ít nhất một môn và không thể tiếp tục dự thi hoặc sau khi bị ốm hay có việc đột xuất đặc biệt tự nguyện dự thi số môn thi còn lại.

- Điều kiện:

+ Điểm bài thi của những môn đã thi đều đạt từ 5,0 trở lên;

+ Xếp loại ở lớp 12: học lực từ trung bình trở lên, hạnh kiểm từ khá trở lên.

- Hồ sơ:

+ Biên bản xác nhận của Hội đồng coi thi;

+ Hồ sơ nhập viện, ra viện của bệnh viện từ cấp huyện trở lên (nếu bị ốm) hoặc xác nhận của UBND cấp xã nơi cư trú (nếu có việc đột xuất đặc biệt).

2. Thủ tục:

a) Ngay khi kết thúc buổi thi cuối cùng của kỳ thi, Hội đồng coi thi chịu trách nhiệm thu nhận và chuyển giao hồ sơ đặc cách cho Hội đồng chấm thi;

b) Hội đồng chấm thi xem xét, quyết định đặc cách cho thí sinh căn cứ hồ sơ và các quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Xếp loại: Thí sinh tốt nghiệp đặc cách đều xếp loại trung bình.

Mục 2
CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỐI VỚI GIÁO DỤC TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Điều 29. Mức cộng điểm khuyến khích

1. Học sinh tham gia các cuộc thi và các hoạt động dưới đây được cộng điểm khuyến khích khi công nhận tốt nghiệp với mức điểm như sau:

a) Đạt giải cá nhân trong kỳ thi học sinh giỏi các bộ môn văn hóa lớp 12:

- Đạt giải trong kỳ thi quốc gia hoặc giải nhất cấp tỉnh: cộng 2,0 điểm;

- Giải nhì cấp tỉnh: cộng 1,5 điểm;

- Giải ba cấp tỉnh: cộng 1,0 điểm.

b) Đoạt giải cá nhân và đồng đội trong các kỳ thi thí nghiệm thực hành (Vật lý, Hóa học, Sinh học); thi văn nghệ; thể dục thể thao; hội thao giáo dục quốc phòng; cuộc thi khoa học kỹ thuật; viết thư quốc tế do Ngành Giáo dục phối hợp với các ngành chuyên môn từ cấp tỉnh trở lên tổ chức ở cấp trung học phổ thông[20]:

- Giải cá nhân:

+ Đạt giải quốc gia hoặc giải nhất cấp tỉnh hoặc Huy chương Vàng: cộng 2,0 điểm;

+ Giải nhì cấp tỉnh hoặc Huy chương Bạc: cộng 1,5 điểm;

+ Giải ba cấp tỉnh hoặc Huy chương Đồng: cộng 1,0 điểm;

- Giải đồng đội (hội thao giáo dục quốc phòng, bóng đá, bóng chuyền, bóng bàn, cầu lông, cầu mây, điền kinh, tốp ca, song ca...) quy định như sau:

+ Chỉ cộng điểm đối với giải quốc gia;

+ Số lượng cầu thủ, vận động viên, diễn viên của giải đồng đội từ 02 đến 22 người theo quy định cụ thể của Ban tổ chức từng giải;

+ Mức điểm khuyến khích được cộng cho các cá nhân trong giải đồng đội được thực hiện như đối với giải cá nhân quy định tại điểm b khoản 1 của Điều này;

- Những học sinh đoạt nhiều giải khác nhau trong nhiều cuộc thi chỉ được hưởng một mức cộng điểm của loại giải cao nhất.

c) Học sinh được cấp chứng nhận nghề phổ thông trong kỳ thi do sở giáo dục và đào tạo tổ chức ở cấp trung học phổ thông được cộng điểm khuyến khích căn cứ vào xếp loại ghi trong chứng nhận như sau:

- Loại giỏi: cộng 2,0 điểm;

- Loại khá: cộng 1,5 điểm;

- Loại trung bình: cộng 1,0 điểm.

2. Nếu học sinh đồng thời có nhiều loại giấy chứng nhận để được cộng điểm khuyến khích theo quy định tại các điểm a, điểm b và điểm c khoản 1 của Điều này cũng chỉ được hưởng mức điểm cộng thêm nhiều nhất là 4,0 điểm.

---

[20] Đoạn: "b) Đạt giải cá nhân và đồng đội trong các kỳ thi văn nghệ; thể dục thể thao; hội thao giáo dục quốc phòng; thi thí nghiệm - thực hành bộ môn (Vật lí, Hóa học, Sinh học); thi sáng tạo, nghiên cứu khoa học - kỹ thuật; viết thư quốc tế do ngành Giáo dục phối hợp với các ngành chuyên môn từ cấp tỉnh trở lên tổ chức ở cấp trung học phổ thông:" được sửa đổi bởi đoạn: "b) Đoạt giải cá nhân và đồng đội trong các kỳ thi thí nghiệm thực hành (Vật lí, Hoá học, Sinh học); thi văn nghệ; thể dục thể thao; hội thao giáo dục quốc phòng; cuộc thi khoa học kỹ thuật; viết thư quốc tế do Ngành Giáo dục phối hợp với các ngành chuyên môn từ cấp tỉnh trở lên tổ chức ở cấp trung học phổ thông:" theo quy định tại khoản 13 Điều 1 của Thông tư số 09/2014/TT-BGDĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi tốt nghiệp Trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 10/2012/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 3 năm 2012 đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2013/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 02 năm 2013 và Thông tư số 06/2013/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 3 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 5 năm 2014.

3. Điểm khuyến khích quy định tại các điểm a, điểm b và điểm c khoản 1 của Điều này được bảo lưu trong toàn cấp học và được cộng vào điểm bài thi để công nhận tốt nghiệp khi thí sinh dự thi.

Điều 30. Điểm bài thi, điểm xét tốt nghiệp, điểm xếp loại tốt nghiệp

1. Điểm bài thi:

Chấm điểm theo thang điểm 10 và làm tròn phần thập phân đến 0,5 theo quy định:

- Từ 0,25 đến dưới 0,75 làm tròn thành 0,5;
- Từ 0,75 đến dưới 1,0 làm tròn thành 1,0.

2.[21] Điểm xét tốt nghiệp (ĐXTN):

$$\text{ĐXTN} = \frac{\dfrac{\text{Tổng điểm 4 bài thi} + \text{Tổng điểm khuyến khích (nếu có)}}{4}}{2} + \text{Điểm trung bình cả năm lớp 12}$$

3.[22] Điểm xếp loại tốt nghiệp (ĐXL):

$$\text{ĐXL} = \frac{\text{Điểm trung bình 4 bài thi} + \text{Điểm trung bình cả năm lớp 12}}{2}$$."

4. Điểm xét tốt nghiệp, điểm xếp loại tốt nghiệp được lấy đến hai chữ số thập phân do phần mềm máy vi tính tự động thực hiện.

Điều 31. Công nhận tốt nghiệp

Những thí sinh đủ điều kiện dự thi, không bị kỷ luật từ mức hủy bài thi trở lên, không có bài thi nào từ 1,0 điểm trở xuống và có điểm xét tốt nghiệp quy định cho từng diện dưới đây được công nhận tốt nghiệp[23]:

---

[21] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 14 Điều 1 của Thông tư số 09/2014/TT-BGDĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi tốt nghiệp Trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 10/2012/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 3 năm 2012 đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2013/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 02 năm 2013 và Thông tư số 06/2013/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 3 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 5 năm 2014.

[22] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 14 Điều 1 của Thông tư số 09/2014/TT-BGDĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi tốt nghiệp Trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 10/2012/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 3 năm 2012 đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2013/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 02 năm 2013 và Thông tư số 06/2013/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 3 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 5 năm 2014.

[23] Đoạn: "Những thí sinh đủ điều kiện dự thi, không bị kỷ luật từ mức hủy bài thi trở lên, không có bài nào bị điểm 0 và có điểm xét tốt nghiệp quy định cho từng diện dưới đây được công nhận tốt nghiệp:" được sửa đổi bởi đoạn: "Những thí sinh đủ điều kiện dự thi, không bị kỷ luật từ mức hủy bài thi trở lên, không có bài thi nào từ 1,0 điểm trở xuống và có điểm xét tốt nghiệp quy định cho từng diện dưới đây được công nhận tốt nghiệp:" theo quy định tại khoản 15 Điều 1 của Thông tư số 09/2014/TT-BGDĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi tốt nghiệp Trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 10/2012/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 3 năm 2012 đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2013/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 02 năm 2013 và Thông tư số 06/2013/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 3 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 5 năm 2014.

1. Diện 1: từ 5,0 điểm trở lên đối với những thí sinh bình thường.

2. Diện 2: từ 4,75 điểm trở lên đối với thí sinh thuộc một trong những đối tượng sau:

a) Con của thương binh, bệnh binh, người được hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh mất sức lao động dưới 81%; con của Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động; con của Bà mẹ Việt Nam anh hùng;

b) Có cha hoặc mẹ là người dân tộc thiểu số;

c)[24] Người Kinh, người nước ngoài cư trú tại Việt Nam có hộ khẩu thường trú từ 3 năm trở lên (tính đến ngày tổ chức kỳ thi) ở xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu thuộc diện đầu tư của chương trình 135; ở xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ; ở thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định hiện hành của Ủy ban Dân tộc, học tại các trường phổ thông không nằm trên địa bàn các quận nội thành của các thành phố trực thuộc Trung ương ít nhất 2 phần 3 thời gian học cấp trung học phổ thông;

d) Người bị nhiễm chất độc màu da cam, con của người bị nhiễm chất độc màu da cam; người được cơ quan có thẩm quyền công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt hoặc lao động do hậu quả của chất độc hóa học.

3. Diện 3: từ 4,5 điểm trở lên đối với thí sinh thuộc một trong những đối tượng sau:

a)[25] Có cha hoặc mẹ là người dân tộc thiểu số, bản thân có hộ khẩu thường trú ở xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu thuộc diện đầu tư của chương trình 135; ở xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ; ở thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định hiện hành của Ủy ban Dân tộc, đang học tại các trường phổ thông dân tộc nội trú hoặc các trường phổ thông không nằm trên địa bàn các quận nội thành của các thành phố trực thuộc Trung ương;

b) Con của liệt sĩ; con của thương binh, bệnh binh, người được hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh mất sức lao động từ 81% trở lên;

4. Thí sinh có nhiều tiêu chuẩn ưu tiên chỉ được hưởng theo tiêu chuẩn ưu tiên cao nhất.

---

[24] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 16 Điều 1 của Thông tư số 09/2014/TT-BGDĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi tốt nghiệp Trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 10/2012/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 3 năm 2012 đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2013/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 02 năm 2013 và Thông tư số 06/2013/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 3 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 5 năm 2014.

[25] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 17 Điều 1 của Thông tư số 09/2014/TT-BGDĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi tốt nghiệp Trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 10/2012/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 3 năm 2012 đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2013/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 02 năm 2013 và Thông tư số 06/2013/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 3 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 5 năm 2014...

Điều 32. Xếp loại tốt nghiệp

Thí sinh tốt nghiệp được xếp thành ba loại giỏi, khá, trung bình theo các tiêu chuẩn sau:

1. Loại giỏi:

a) Xếp loại cả năm lớp 12: hạnh kiểm loại tốt, học lực loại giỏi;

b) ĐXL từ 8,0 điểm trở lên;

c) Không có bài thi nào dưới 7,0.

2. Loại khá:

a) Xếp loại cả năm lớp 12 về hạnh kiểm và học lực đều từ loại khá trở lên;

b) ĐXL từ 6,5 điểm trở lên;

c) Không có bài thi nào dưới 6,0 điểm.

3. Loại trung bình: các trường hợp còn lại.

Mục 3
CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỐI VỚI GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

Điều 33. Bảo lưu điểm thi

1. Điểm thi được bảo lưu như sau:

Thí sinh dự thi đủ các môn quy định trong kỳ thi năm trước nhưng chưa tốt nghiệp và không bị kỷ luật hủy kết quả thi thì được bảo lưu điểm của các môn thi đạt từ 5,0 điểm trở lên cho kỳ thi tổ chức trong năm tiếp ngay sau đó nếu có quy định thi các môn đó.

2. Các thí sinh có điểm bảo lưu theo quy định tại khoản 1 của Điều này được dự thi một trong hai cách:

a) Thi tất cả các môn thi quy định trong kỳ thi;

b) Chỉ thi các môn thi không có điểm bảo lưu.

Điều 34. Điểm khuyến khích

1. Học viên tham gia các cuộc thi và các hoạt động dưới đây được cộng điểm khuyến khích khi công nhận tốt nghiệp với mức điểm như sau:

a) Đạt giải cá nhân trong kỳ thi học sinh giỏi các bộ môn văn hóa lớp 12:

- Đạt giải trong kỳ thi quốc gia hoặc giải nhất cấp tỉnh: cộng 2,0 điểm;

- Giải nhì cấp tỉnh: cộng 1,5 điểm;

- Giải ba cấp tỉnh: cộng 1,0 điểm.

b) Đoạt giải cá nhân và đồng đội trong các kỳ thi thí nghiệm thực hành (Vật lý, Hóa học, Sinh học); thi văn nghệ; thể dục thể thao; hội thao giáo dục quốc phòng;

cuộc thi khoa học kỹ thuật; viết thư quốc tế do Ngành Giáo dục phối hợp với các ngành chuyên môn từ cấp tỉnh trở lên tổ chức ở cấp trung học phổ thông[26]:

- Giải cá nhân:

+ Đạt giải quốc gia hoặc giải nhất cấp tỉnh hoặc Huy chương Vàng: cộng 2,0 điểm;

+ Giải nhì cấp tỉnh hoặc Huy chương Bạc: cộng 1,5 điểm;

+ Giải ba cấp tỉnh hoặc Huy chương Đồng: cộng 1,0 điểm;

- Giải đồng đội (hội thao giáo dục quốc phòng, bóng đá, bóng chuyền, bóng bàn, cầu lông, cầu mây, điền kinh, tốp ca, song ca...) quy định như sau:

+ Chỉ cộng điểm đối với giải quốc gia;

+ Số lượng cầu thủ, vận động viên, diễn viên của giải đồng đội từ 02 đến 22 người theo quy định cụ thể của Ban tổ chức từng giải;

+ Mức điểm khuyến khích được cộng cho các cá nhân trong giải đồng đội được thực hiện như đối với giải cá nhân quy định tại điểm b khoản 1 của Điều này;

- Những học viên đoạt nhiều giải khác nhau trong nhiều cuộc thi chỉ được hưởng một mức cộng điểm của loại giải cao nhất.

2. Học viên trong diện xếp loại hạnh kiểm có giấy chứng nhận nghề do sở giáo dục và đào tạo hoặc các cơ sở giáo dục đào tạo và dạy nghề do Ngành Giáo dục và Đào tạo quản lý cấp trong thời gian học trung học phổ thông, được cộng điểm khuyến khích căn cứ vào xếp loại ghi trong chứng nhận như sau:

- Loại giỏi: cộng 2,0 điểm;

- Loại khá: cộng 1,5 điểm;

- Loại trung bình: cộng 1,0 điểm.

3. Học viên có chứng chỉ ngoại ngữ hoặc tin học trình độ A trở lên, được cấp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong thời gian học trung học phổ thông: cộng 1,0 điểm đối với mỗi loại chứng chỉ.

4. Nếu thí sinh đồng thời có nhiều loại giấy chứng nhận để được cộng điểm khuyến khích theo quy định tại tại các khoản 1, khoản 2 và khoản 3 của Điều này cũng chỉ được hưởng mức điểm cộng thêm nhiều nhất là 4,0 điểm.

---

[26] Đoạn: "b) Đạt giải cá nhân và đồng đội trong các kỳ thi văn nghệ; thể dục thể thao; hội thao giáo dục quốc phòng; thi thí nghiệm - thực hành bộ môn (Vật lí, Hóa học, Sinh học); thi sáng tạo, nghiên cứu khoa học - kỹ thuật; viết thư quốc tế do ngành Giáo dục phối hợp với các ngành chuyên môn từ cấp tỉnh trở lên tổ chức ở cấp trung học phổ thông:" được sửa đổi bởi đoạn: "b) Đoạt giải cá nhân và đồng đội trong các kỳ thi thí nghiệm thực hành (Vật lí, Hóa học, Sinh học); thi văn nghệ; thể dục thể thao; hội thao giáo dục quốc phòng; cuộc thi khoa học kỹ thuật; viết thư quốc tế do Ngành Giáo dục phối hợp với các ngành chuyên môn từ cấp tỉnh trở lên tổ chức ở cấp trung học phổ thông:" theo quy định tại khoản 18 Điều 1 của Thông tư số 09/2014/TT-BGDĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi tốt nghiệp Trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 10/2012/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 3 năm 2012 đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2013/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 02 năm 2013 và Thông tư số 06/2013/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 3 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 5 năm 2014.

5. Điểm khuyến khích quy định tại các khoản 1, khoản 2 và khoản 3 của Điều này được bảo lưu trong toàn cấp học và được cộng vào điểm bài thi để công nhận tốt nghiệp khi thí sinh dự thi.

Điều 35. Công nhận tốt nghiệp

1. Điểm bài thi, điểm xét tốt nghiệp, điểm xếp loại tốt nghiệp:

a) Điểm bài thi:

Chấm điểm theo thang điểm 10 và làm tròn phần thập phân đến 0,5 theo quy định:

- Từ 0,25 đến dưới 0,75 làm tròn thành 0,5;
- Từ 0,75 đến dưới 1,0 làm tròn thành 1,0.

b)[27] Điểm xét tốt nghiệp (ĐXTN):

$$\text{ĐXTN} = \frac{\dfrac{\text{Tổng điểm các bài thi} + \text{Tổng điểm bảo lưu (nếu có)} + \text{Tổng điểm khuyến khích (nếu có)}}{4} + \text{Điểm trung bình cả năm lớp 12}}{2}$$

c)[28] Điểm xếp loại tốt nghiệp (ĐXL):

$$\text{ĐXL} = \frac{\dfrac{\text{Tổng điểm các bài thi}}{4} + \text{Điểm trung bình cả năm lớp 12}}{2}.$$

2. Công nhận tốt nghiệp:

Những thí sinh đủ điều kiện dự thi, không bị kỷ luật từ mức hủy bài thi trở lên, không có bài thi nào từ 1,0 điểm trở xuống và có điểm xét tốt nghiệp quy định cho từng diện dưới đây được công nhận tốt nghiệp[29]:

---

[27] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 19 Điều 1 của Thông tư số 09/2014/TT-BGDĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi tốt nghiệp Trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 10/2012/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 3 năm 2012 đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2013/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 02 năm 2013 và Thông tư số 06/2013/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 3 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 5 năm 2014.

[28] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 19 Điều 1 của Thông tư số 09/2014/TT-BGDĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi tốt nghiệp Trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 10/2012/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 3 năm 2012 đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2013/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 02 năm 2013 và Thông tư số 06/2013/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 3 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 5 năm 2014.

[29] Đoạn: "Những thí sinh đủ điều kiện dự thi, không bị kỷ luật từ mức hủy bài thi trở lên, không có bài nào bị điểm 0 và có điểm xét tốt nghiệp quy định cho từng diện dưới đây được công nhận tốt nghiệp:" được sửa đổi bởi đoạn: "Những thí sinh đủ điều kiện dự thi, không bị kỷ luật từ mức hủy bài thi trở lên, không có bài thi nào từ 1,0 điểm trở xuống và có điểm xét tốt nghiệp quy định cho từng diện dưới đây được công nhận tốt nghiệp" theo quy định tại khoản 20 Điều 1 của Thông tư số 09/2014/TT-BGDĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi tốt nghiệp Trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 10/2012/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 3 năm 2012 đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2013/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 02 năm 2013 và Thông tư số 06/2013/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 3 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 5 năm 2014.

a) Diện 1: từ 5,0 điểm trở lên đối với những thí sinh bình thường;

b) Diện 2: từ 4,75 điểm trở lên đối với thí sinh thuộc một trong những đối tượng sau:

- Thương binh, bệnh binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh mất sức lao động dưới 81%; con của thương binh, bệnh binh, người được hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh mất sức lao động dưới 81%; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động; con của Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động; con của Bà mẹ Việt Nam anh hùng;

- Có cha hoặc mẹ là người dân tộc thiểu số;

- Người Kinh, người nước ngoài cư trú tại Việt Nam có hộ khẩu thường trú từ 3 năm trở lên (tính đến ngày tổ chức kỳ thi) ở xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu thuộc diện đầu tư của chương trình 135; ở xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ; ở thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định hiện hành của Ủy ban Dân tộc, học tại các trường phổ thông không nằm trên địa bàn các quận nội thành của các thành phố trực thuộc Trung ương ít nhất 2 phần 3 thời gian học cấp trung học phổ thông[30];

- Người bị nhiễm chất độc màu da cam; con của người bị nhiễm chất độc màu da cam; người được cơ quan có thẩm quyền công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt hoặc lao động do hậu quả của chất độc hóa học;

- Con của người hoạt động cách mạng trước Tổng khởi nghĩa 19 tháng 8 năm 1945;

- Có tuổi đời từ 35 trở lên, tính đến ngày thi.

c) Diện 3: từ 4,5 điểm trở lên đối với thí sinh thuộc một trong những đối tượng sau:

- Có cha hoặc mẹ là người dân tộc thiểu số, bản thân có hộ khẩu thường trú ở xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu thuộc diện đầu tư của chương trình 135; ở xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo theo quy định hiện hành

---

[30] Đoạn: "- Người Kinh, người nước ngoài cư trú tại Việt Nam có hộ khẩu thường trú từ 3 năm trở lên (tính đến ngày tổ chức kỳ thi) ở vùng cao, vùng sâu, hải đảo, khu kinh tế mới và xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu thuộc diện đầu tư của chương trình 135 giai đoạn II theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ, học tại các trường phổ thông không nằm trên địa bàn các quận nội thành của các thành phố trực thuộc Trung ương ít nhất 2 phần 3 thời gian học cấp trung học phổ thông;" được sửa đổi bởi đoạn: "- Người Kinh, người nước ngoài cư trú tại Việt Nam có hộ khẩu thường trú từ 3 năm trở lên (tính đến ngày tổ chức kỳ thi) ở xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu thuộc diện đầu tư của chương trình 135; ở xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ; ở thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định hiện hành của Ủy ban Dân tộc, học tại các trường phổ thông không nằm trên địa bàn các quận nội thành của các thành phố trực thuộc Trung ương ít nhất 2 phần 3 thời gian học cấp trung học phổ thông;" theo quy định tại khoản 21 Điều 1 của Thông tư số 09/2014/TT-BGDĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi tốt nghiệp Trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 10/2012/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 3 năm 2012 đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2013/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 02 năm 2013 và Thông tư số 06/2013/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 3 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 5 năm 2014.

của Thủ tướng Chính phủ; ở thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định hiện hành của Ủy ban Dân tộc, đang học tại các trường phổ thông dân tộc nội trú hoặc các trường phổ thông không nằm trên địa bàn các quận nội thành của các thành phố trực thuộc Trung ương[31];

- Thương binh, bệnh binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh mất sức lao động từ 81% trở lên; con của liệt sĩ; con của thương binh, bệnh binh, người được hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh mất sức lao động từ 81% trở lên.

3. Thí sinh có nhiều tiêu chuẩn ưu tiên chỉ được hưởng theo tiêu chuẩn ưu tiên cao nhất.

Điều 36. Xếp loại tốt nghiệp

1. Thí sinh tốt nghiệp được xếp loại: giỏi, khá và trung bình theo các tiêu chuẩn sau:

a) Loại giỏi:

- Học lực lớp 12 xếp loại giỏi;

- ĐXL từ 8,0 trở lên, không có điểm thi nào dưới 7,0.

- Đối với thí sinh thuộc diện xếp loại hạnh kiểm thì hạnh kiểm năm học lớp 12 phải đạt loại tốt.

b) Loại khá:

- Học lực lớp 12 xếp loại từ khá trở lên;

- ĐXL từ 6,5 trở lên, không có điểm thi nào dưới 6,0;

- Đối với thí sinh thuộc diện xếp loại hạnh kiểm thì hạnh kiểm năm học lớp 12 của thí sinh phải đạt từ loại khá trở lên.

c) Loại trung bình: các trường hợp còn lại.

2. Những thí sinh sử dụng điểm bảo lưu để công nhận tốt nghiệp thì đều xếp loại trung bình.

---

[31] Đoạn: "- Có cha hoặc mẹ là người dân tộc thiểu số, bản thân có hộ khẩu thường trú ở vùng cao, vùng sâu, hải đảo, khu kinh tế mới và xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu thuộc diện đầu tư của chương trình 135 giai đoạn II theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ, đang học tại các trường phổ thông dân tộc nội trú hoặc các trường phổ thông không nằm trên địa bàn các quận nội thành của các thành phố trực thuộc Trung ương;" được sửa đổi bởi đoạn: "- Có cha hoặc mẹ là người dân tộc thiểu số, bản thân có hộ khẩu thường trú ở xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu thuộc diện đầu tư của chương trình 135; ở xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ; ở thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định hiện hành của Ủy ban Dân tộc, đang học tại các trường phổ thông dân tộc nội trú hoặc các trường phổ thông không nằm trên địa bàn các quận nội thành của các thành phố trực thuộc Trung ương;" theo quy định tại khoản 22 Điều 1 của Thông tư số 09/2014/TT-BGDĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi tốt nghiệp Trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 10/2012/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 3 năm 2012 đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2013/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 02 năm 2013 và Thông tư số 06/2013/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 3 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 5 năm 2014..

Mục 4
DUYỆT THI TỐT NGHIỆP
CẤP PHÁT VÀ QUẢN LÝ BẰNG TỐT NGHIỆP

Điều 37. Duyệt thi tốt nghiệp

1. Hồ sơ duyệt thi tốt nghiệp bao gồm:

a) Các quyết định thành lập Ban Chỉ đạo thi cấp tỉnh, Hội đồng in sao đề thi, Hội đồng coi thi, Hội đồng chấm thi;

b) Báo cáo tổng kết kỳ thi, kèm theo biểu thống kê số liệu;

c) Các biên bản của Hội đồng coi thi, Hội đồng chấm thi;

d) Những biên bản khác liên quan;

đ) Hồ sơ phúc khảo (nếu có) gồm: Quyết định thành lập Hội đồng phúc khảo, biên bản tổng kết, biên bản đối thoại (nếu có), bài thi phúc khảo có đối thoại, bài thi của các thí sinh được chuyển xếp loại do phúc khảo và các biên bản khác liên quan;

e) Bảng ghi tên dự thi và bảng ghi điểm thi;

g) Danh sách thí sinh được công nhận tốt nghiệp;

h) Danh sách và hồ sơ thí sinh được đặc cách tốt nghiệp, miễn thi, được tốt nghiệp hoặc chuyển xếp loại tốt nghiệp do phúc khảo hoặc giải quyết khiếu nại về hồ sơ thi;

i) Đĩa CD chứa dữ liệu thi;

k) Các loại hồ sơ khác theo hướng dẫn hàng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Duyệt thi tốt nghiệp:

a) Giám đốc sở giáo dục và đào tạo duyệt kết quả thi tốt nghiệp và chịu trách nhiệm trước Bộ Giáo dục và Đào tạo về kết quả thi tốt nghiệp của tỉnh mình;

b) Sau khi báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc sở giáo dục và đào tạo công bố kết quả thi tốt nghiệp và thông báo cho các trường phổ thông để niêm yết danh sách tốt nghiệp và cấp giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời cho thí sinh;

c) Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời do Thủ trưởng trường phổ thông ký và có giá trị đến khi được cấp bằng tốt nghiệp chính thức;

d) Các sở giáo dục và đào tạo gửi danh sách thí sinh được công nhận tốt nghiệp về Bộ Giáo dục và Đào tạo ngay sau khi kết thúc kỳ thi để quản lý, theo dõi.

Điều 38. Cấp phát và quản lý bằng tốt nghiệp

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo thống nhất quản lý các mẫu, quy định thủ tục cấp phát, thu hồi, hủy bỏ văn bằng.

2. Giám đốc sở giáo dục và đào tạo chịu trách nhiệm quản lý, chỉ đạo việc cấp bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, bản sao bằng tốt nghiệp, các loại giấy chứng nhận liên quan đến việc cộng điểm khuyến khích, xếp diện ưu tiên, bảo lưu kết quả trong kỳ thi tốt nghiệp theo quy định và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Chương VII
CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ LƯU TRỮ

Điều 39. Chế độ báo cáo

1. Mỗi sở giáo dục và đào tạo phân công một người hoặc một nhóm người làm nhiệm vụ thu thập số liệu, tư liệu, thông tin trước, trong và sau kỳ thi; chuẩn bị các văn bản, thực hiện báo cáo theo quy định. Thực hiện nghiêm chế độ trực thi: Cán bộ trực điện thoại phải có mặt thường xuyên tại địa điểm trực thi.

2. Chế độ báo cáo trong kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông thực hiện theo văn bản hướng dẫn thi hàng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 40. Lưu trữ hồ sơ thi

Tính từ ngày thi môn cuối cùng của mỗi kỳ thi, các cơ quan quản lý giáo dục lưu trữ hồ sơ như sau:

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo lưu trữ không thời hạn: Danh sách thí sinh tốt nghiệp của các sở giáo dục và đào tạo.

2. Sở giáo dục và đào tạo:

a) Lưu trữ không thời hạn:

- Bảng ghi tên dự thi và bảng ghi điểm thi;
- Danh sách thí sinh được công nhận tốt nghiệp;
- Sổ cấp bằng tốt nghiệp.

b) Lưu trữ trong 03 năm:

- Các quyết định thành lập Ban Chỉ đạo thi cấp tỉnh, Hội đồng in sao đề thi, Hội đồng coi thi, Hội đồng chấm thi;
- Báo cáo tổng kết kỳ thi của sở giáo dục và đào tạo, kèm theo các loại thống kê số liệu;
- Các biên bản của Hội đồng in sao đề thi, Hội đồng coi thi, Hội đồng chấm thi;
- Những biên bản khác có liên quan đến kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông;
- Hồ sơ phúc khảo (nếu có) gồm: Quyết định thành lập Hội đồng phúc khảo, biên bản tổng kết, danh sách tốt nghiệp và chuyển xếp loại tốt nghiệp do phúc khảo và các biên bản khác liên quan;
- Hồ sơ thí sinh được đặc cách tốt nghiệp, miễn thi tốt nghiệp và chuyển xếp loại tốt nghiệp do phúc khảo, hồ sơ khiếu nại của thí sinh hoặc giải quyết khiếu nại về hồ sơ thi;
- Hồ sơ kỷ luật;
- Các loại hồ sơ khác theo văn bản hướng dẫn hàng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c) Lưu trữ trong 01 năm:

- Hồ sơ coi thi, chấm thi và bài thi của thí sinh;
- Các loại biên bản, hồ sơ khác.

3. Học bạ và các loại giấy chứng nhận (bản chính) trong hồ sơ dự thi của thí sinh được các trường phổ thông trả lại thí sinh sau khi công bố danh sách tốt nghiệp.

Chương VIII
THANH TRA, KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 41. Thanh tra thi tốt nghiệp

1. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định thành lập các đoàn thanh tra thi tốt nghiệp của Bộ đến làm nhiệm vụ giám sát, đôn đốc việc thực hiện Quy chế trong tất cả các khâu của kỳ thi tại các địa phương, đơn vị tổ chức thi.

2. Giám đốc các sở giáo dục và đào tạo ra quyết định thành lập đoàn thanh tra thi tại địa phương để giám sát, đôn đốc việc thực hiện Quy chế trong tất cả các khâu của kỳ thi. Trong trường hợp cần thiết, Giám đốc sở giáo dục và đào tạo đề nghị Ban Chỉ đạo thi cấp tỉnh huy động cán bộ, giảng viên của các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh tham gia công tác thanh tra kỳ thi tại địa phương.

Điều 42. Khen thưởng

1. Đối tượng khen thưởng: cán bộ công chức, giáo viên, học sinh, học viên và người làm công tác phục vụ có thành tích trong tổ chức kỳ thi.

2. Hình thức khen thưởng:

a) Tuyên dương trước Hội đồng ra đề thi, Hội đồng in sao đề thi, Hội đồng coi thi, Hội đồng chấm thi, Hội đồng phúc khảo và thông báo về đơn vị công tác, học tập;

b) Giám đốc sở giáo dục và đào tạo cấp giấy khen;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp bằng khen;

d) Tổng tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam cấp bằng khen;

đ) Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp bằng khen.

3. Hồ sơ và thủ tục:

Hội đồng ra đề thi, Hội đồng in sao đề thi, Hội đồng coi thi, Hội đồng chấm thi, Hội đồng phúc khảo là đơn vị có trách nhiệm xem xét, quyết định khen thưởng trong phạm vi quyền hạn và lập hồ sơ đề nghị các cấp có thẩm quyền khen thưởng đối với những cán bộ công chức, giáo viên, học sinh, học viên có thành tích.

Điều 42a. Xử lý thông tin phản ánh về tiêu cực trong kỳ thi[32]

1. Cung cấp thông tin và bằng chứng về vi phạm Quy chế thi:

---

[32] Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Thông tư số 04/2013/TT-BGDĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi tốt nghiệp Trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 10/2012/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 3 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 4 năm 2013.

a) Người cung cấp thông tin và bằng chứng về vi phạm Quy chế thi phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của thông tin và bằng chứng đã cung cấp, không được lợi dụng việc làm đó để gây ảnh hưởng tiêu cực đến kỳ thi;

b) [33] Người có bằng chứng về vi phạm Quy chế thi báo ngay cho nơi tiếp nhận được quy định tại khoản 2 Điều này để kịp thời xử lý theo quy định của pháp luật. Việc tiếp nhận và xử lý các tố cáo vi phạm Quy chế thi được thực hiện theo pháp luật về tố cáo.

2. Nơi tiếp nhận thông tin, bằng chứng về vi phạm Quy chế thi:

a) Ban Chỉ đạo thi tốt nghiệp Trung học phổ thông Trung ương hoặc Ban Chỉ đạo thi cấp tỉnh (thành phố);

b) Thanh tra giáo dục các cấp.

3. Đối với tổ chức, cá nhân tiếp nhận thông tin và bằng chứng về vi phạm Quy chế thi:

a) Tổ chức việc tiếp nhận thông tin, bảo quản bằng chứng theo quy định; xác minh tính xác thực của thông tin và bằng chứng theo thẩm quyền hoặc chuyển thông tin, bằng chứng đến cơ quan có thẩm quyền xác minh, xử lý;

b) Triển khai kịp thời các biện pháp ngăn chặn tiêu cực, vi phạm Quy chế thi theo thông tin đã được cung cấp;

c) Xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền để xử lý các cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm Quy chế thi.

Điều 43. Xử lý vi phạm

1. Đối với những người tham gia kỳ thi theo quy định tại Điều 9 của Quy chế này:

a) Cán bộ, công chức, viên chức tham gia công tác thi nếu có hành vi vi phạm Quy chế thi thì tùy theo mức độ sẽ bị xử lý theo quy định tại Nghị định số 34/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ về xử lý kỷ luật đối với công chức và Nghị định số 27/2012/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật viên chức và trách nhiệm bồi thường, hoàn trả của viên chức theo một trong các hình thức sau đây[34]:

---

[33] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 06/2013/TT-BGDĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi tốt nghiệp Trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 10/2012/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 3 năm 2012 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 04/2013/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2013.

[34] Đoạn: "a) Cán bộ, công chức, viên chức tham gia công tác thi có hành vi vi phạm Quy chế thi (bị phát hiện trong khi làm nhiệm vụ hoặc sau kỳ thi), nếu có đủ chứng cứ, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị cơ quan quản lý áp dụng quy định tại Nghị định số 35/2005/NĐ-CP ngày 17/3/2005 của Chính phủ về việc xử lý kỷ luật cán bộ, công chức để xử lý kỷ luật theo một trong các hình thức sau đây:" được sửa đổi bởi đoạn: "a) Cán bộ, công chức, viên chức tham gia công tác thi nếu có hành vi vi phạm Quy chế thi thì tùy theo mức độ sẽ bị xử lý theo quy định tại Nghị định số 34/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ về xử lý kỷ luật đối với công chức và Nghị định số 27/2012/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật viên chức và trách nhiệm bồi thường, hoàn trả của viên chức theo một trong các hình thức sau đây:" theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Thông tư số 04/2013/TT-BGDĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi tốt nghiệp Trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 10/2012/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 3 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 4 năm 2013.

- Khiển trách đối với người phạm lỗi nhẹ trong khi thi hành nhiệm vụ;

- Đình chỉ công tác thi ngay sau khi bị phát hiện; đồng thời xử lý cảnh cáo đối với người có một trong các hành vi sai phạm sau đây:

+ Ra đề sai hoặc ra đề ngoài chương trình;

+ Mang những tài liệu, vật dụng trái phép vào khu vực làm đề, phòng thi, phòng chấm thi;

+ Thiếu trách nhiệm trong việc chuẩn bị cho kỳ thi, làm ảnh hưởng tới kết quả kỳ thi;

+ Thiếu trách nhiệm khi coi thi, để cho thí sinh quay cóp, mang và sử dụng tài liệu, vật dụng trái phép trong phòng thi;

+ Chấm thi không đúng hướng dẫn chấm thi hoặc cộng điểm có nhiều sai sót.

- Đình chỉ công tác thi ngay sau khi bị phát hiện; đồng thời tùy theo mức độ vi phạm có thể hạ bậc lương, hạ ngạch, cách chức, buộc thôi việc đối với người có một trong các hành vi sai phạm sau đây:

+ Gian lận, làm sai lệch sự thật về hồ sơ của thí sinh;

+ Trực tiếp giải bài cho thí sinh trong lúc đang thi;

+ Làm lộ số phách bài thi;

+ Đánh tráo bài thi, số phách hoặc điểm thi của thí sinh;

+ Làm mất bài thi của thí sinh khi thu bài, vận chuyển, bảo quản, chấm thi;

+ Sửa chữa, thêm bớt vào bài làm của thí sinh;

+ Làm sai lệch điểm trên bài thi, trên phiếu chấm thi.

- Đình chỉ công tác thi ngay sau khi bị phát hiện, đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người có một trong các hành vi sai phạm sau đây:

+ Làm lộ đề thi; mua, bán đề thi;

+ Đưa đề thi ra ngoài khu vực thi hoặc đưa bài giải từ ngoài vào khu vực thi trong lúc đang thi;

+ Gian lận thi có tổ chức.

b) Những người không phải là cán bộ, công chức, viên chức tham gia công tác thi có hành vi vi phạm quy chế thi (bị phát hiện trong khi làm nhiệm vụ hoặc sau kỳ thi), nếu có đủ chứng cứ, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật lao động, pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính và quy định của pháp luật có liên quan;

c) Trong quá trình tổ chức kỳ thi, khi phát hiện sai phạm, cấp ra quyết định thành lập các Hội đồng thi có thẩm quyền đình chỉ công tác thi đối với Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng của các Hội đồng ra đề thi, Hội đồng in sao đề thi, Hội đồng coi thi, Hội đồng chấm thi, Hội đồng phúc khảo; Chủ tịch Hội đồng ra đề thi, Hội đồng in sao đề thi, Hội đồng coi thi, Hội đồng chấm thi, Hội đồng phúc khảo có thẩm quyền đình chỉ công tác thi đối với những người tham gia tổ chức kỳ thi tại Hội đồng do mình phụ trách;

d) Các hình thức xử lý vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 của Điều này do Thủ trưởng cơ quan quản lý cán bộ ra quyết định theo các quy định về xử lý kỷ luật hiện hành và đề nghị của Hội đồng ra đề thi, Hội đồng in sao đề thi, Hội đồng coi thi, Hội đồng chấm thi, Hội đồng phúc khảo.

2. Đối với thí sinh:

a) Cảnh cáo trước Hội đồng coi thi, nếu chép bài của thí sinh khác hoặc cho thí sinh khác chép bài của mình bằng bất cứ hình thức nào;

b)[35] Đình chỉ thi và hủy kết quả của cả kỳ thi nếu vi phạm một trong các khuyết điểm sau:

- Mang vào phòng thi tài liệu, vật dụng trái với quy định tại Điều 20 của Quy chế này hoặc vũ khí, chất gây nổ, gây cháy, bia, rượu, thiết bị truyền tin hoặc chứa thông tin có thể lợi dụng để gian lận trong quá trình làm bài thi;

- Nhận bài giải sẵn của người khác;

- Chuyển giấy nháp, bài thi cho thí sinh khác hoặc nhận giấy nháp, bài thi của thí sinh khác;

- Cố tình không nộp bài thi, dùng bài thi hoặc giấy nháp của người khác để nộp làm bài thi của mình hoặc có bài thi giống nhau do chép bài của nhau.

c)[36] Hủy kết quả thi và cấm thi từ 1 đến 2 năm, nếu vi phạm một trong các khuyết điểm sau:

- Hành hung giám thị, giám khảo, người phục vụ của các Hội đồng coi thi, Hội đồng chấm thi, Hội đồng phúc khảo;

- Gây rối làm mất trật tự an ninh ở khu vực coi thi, gây hậu quả nghiêm trọng cho kỳ thi;

- Khai man hồ sơ thi hoặc nhờ người thi hộ.

-[37] ***(được bãi bỏ)***

d) Nhắc nhở trước phòng thi hoặc trước Hội đồng coi thi những vi phạm khác ngoài quy định tại các điểm a, điểm b và điểm c khoản 2 của Điều này.

3. Đối với người thi hộ:

a) Hủy kết quả thi tốt nghiệp phổ thông, thi tuyển sinh vào các cơ sở giáo dục tại các kỳ thi cùng năm;

---

[35] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 10 Điều 1 của Thông tư số 04/2013/TT-BGDĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi tốt nghiệp Trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 10/2012/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 3 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 4 năm 2013.

[36] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 10 Điều 1 của Thông tư số 04/2013/TT-BGDĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi tốt nghiệp Trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 10/2012/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 3 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 4 năm 2013.

[37] Đoạn: "- Vi phạm các quy định tại điểm b khoản 1 Điều 42a." được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 06/2013/TT-BGDĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi tốt nghiệp Trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 10/2012/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 3 năm 2012 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 04/2013/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2013.

b) Buộc thôi học nếu đang theo học tại các cơ sở giáo dục;

c) Đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả vi phạm.

4. Hồ sơ, thủ tục và thẩm quyền kỷ luật đối với thí sinh dự thi:

a) Hồ sơ:

- Tại các Hội đồng coi thi:

+ Biên bản tại thời điểm vi phạm, có chữ ký của hai giám thị trong phòng thi;

+ Biên bản xét kỷ luật của Hội đồng coi thi (ghi rõ hình thức vi phạm và mức kỷ luật);

+ Tài liệu và các vật chứng thu được.

- Tại các Hội đồng chấm thi:

+ Biên bản của tổ chấm thi;

+ Biên bản xét kỷ luật của Hội đồng chấm thi (ghi rõ hình thức vi phạm và mức kỷ luật);

+ Bài thi của thí sinh vi phạm.

b) Thẩm quyền:

- Chủ tịch Hội đồng coi thi:

+ Xem xét, quyết định và công bố các hình thức kỷ luật đối với thí sinh: khiển trách, cảnh cáo, đình chỉ thi trước Hội đồng coi thi;

+ Lập biên bản về các trường hợp kỷ luật khác không thuộc quyền hạn của Hội đồng coi thi để báo cáo cấp có thẩm quyền.

- Chủ tịch Hội đồng chấm thi:

+ Xem xét các biên bản kỷ luật của các Hội đồng coi thi;

+ Xem xét kỷ luật theo biên bản của các tổ chấm chuyển lên;

+ Xét kỷ luật và lập biên bản đề nghị mức kỷ luật.

- Sở giáo dục và đào tạo có trách nhiệm tập hợp toàn bộ hồ sơ để thực hiện các việc sau:

+ Gửi đến Hội đồng chấm thi những hồ sơ kỷ luật có liên quan đến điểm bài thi, kết quả thi của các Hội đồng coi thi trước ngày tổ chức chấm thi;

+ Thành lập Hội đồng kỷ luật và tiến hành xét kỷ luật đối với các trường hợp kỷ luật từ hủy kết quả bài thi trở lên;

+ Công bố kỷ luật và gửi thông báo đến các nhà trường, địa phương nơi cư trú của thí sinh bị kỷ luật.

5. Đối với những người có trách nhiệm duyệt kết quả thi mà cố tình làm sai lệch thì tùy theo mức độ, tính chất và hậu quả, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch UBND cấp tỉnh hoặc Tổng tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam quyết định hình thức kỷ luật từ khiển trách đến cách chức hoặc đề nghị truy tố trước pháp luật.

6. Sau khi các Hội đồng thi kết thúc công việc, nếu phát hiện những hành vi vi phạm thì thanh tra giáo dục chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xem xét, trình người có thẩm quyền quyết định xử lý vi phạm theo quy định tại các khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 của Điều này.

7. Các hình thức xử lý kỷ luật phải được công bố trước các Hội đồng thi, thông báo về trường phổ thông nơi thí sinh theo học, thông báo cho gia đình thí sinh biết, thông báo đến địa phương nơi cư trú, cơ quan nơi công tác.

Chương IX
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 44. Ban Chỉ đạo thi tốt nghiệp trung học phổ thông Trung ương

Hàng năm, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo thành lập Ban Chỉ đạo thi tốt nghiệp trung học phổ thông Trung ương.

1. Thành phần:

a) Trưởng ban: Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Phó Trưởng ban:

- Phó Trưởng ban thường trực: Lãnh đạo Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục;

- Các Phó Trưởng ban: Lãnh đạo một số đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c) Ủy viên: Lãnh đạo và chuyên viên các đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Nhiệm vụ:

a) Giúp Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo chung về thi trong cả nước;

b) Kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ của các Ban Chỉ đạo thi cấp tỉnh và của các Hội đồng ra đề thi, Hội đồng in sao đề thi, Hội đồng coi thi, Hội đồng chấm thi, Hội đồng phúc khảo ở các địa phương; phát hiện những việc làm sai hoặc vi phạm Quy chế thi, kiến nghị cách giải quyết;

c) Nắm tình hình, thu thập ý kiến của thí sinh, cán bộ, giáo viên làm công tác thi, cha mẹ học sinh và dư luận xã hội đối với kỳ thi;

d) Báo cáo Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cấp có thẩm quyền về tình hình chấp hành Quy chế thi trong kỳ thi.

3. Quyền hạn:

a) Yêu cầu Ban Chỉ đạo thi cấp tỉnh, các Hội đồng ra đề thi, Hội đồng in sao đề thi, Hội đồng coi thi, Hội đồng chấm thi, Hội đồng phúc khảo báo cáo việc thực hiện nhiệm vụ và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quá trình tổ chức thi;

b) Trong trường hợp cần thiết có thể yêu cầu họp Ban Chỉ đạo thi cấp tỉnh, họp Hội đồng ra đề thi, Hội đồng in sao đề thi, Hội đồng coi thi, Hội đồng chấm thi, Hội đồng phúc khảo để nghe ý kiến của những người làm công tác thi hoặc có thể trực tiếp kiểm tra các hồ sơ thi, các phòng thi của Hội đồng coi thi; xem các bài thi

đã chấm của Hội đồng chấm thi, Hội đồng phúc khảo sau khi đã báo cho Chủ tịch Hội đồng;

c) Nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của Ban Chỉ đạo thi cấp tỉnh, các đơn vị tổ chức thi thi, các Hội đồng ra đề thi, Hội đồng in sao đề thi, Hội đồng coi thi, Hội đồng chấm thi, Hội đồng phúc khảo; động viên những nhân tố tốt; chỉ rõ những thiếu sót, sai phạm (nếu có) trong quá trình thực hiện và yêu cầu có biện pháp khắc phục;

d) Trong trường hợp phát hiện những sai phạm nghiêm trọng về ra đề thi, coi thi, chấm thi, phúc khảo hoặc về công tác chỉ đạo thi, trình Bộ trưởng quyết định các hình thức dưới đây:

- Đình chỉ kỳ thi, tổ chức thi lại theo đề thi dự bị hoặc đề thi mới;

- Hoãn việc chấm thi để nghiên cứu lại hướng dẫn chấm hoặc đề nghị không công nhận kết quả của Hội đồng chấm thi;

- Đình chỉ hoạt động của Lãnh đạo Hội đồng ra đề thi, Hội đồng in sao đề thi, Hội đồng coi thi, Hội đồng chấm thi, Hội đồng phúc khảo để xem xét; đề nghị xử lý kỷ luật đối với thành viên của các Hội đồng, những người tham gia tổ chức thi, những thí sinh có sai phạm nghiêm trọng;

- Yêu cầu thành lập Hội đồng phúc khảo khi phát hiện việc chấm thi không chính xác của Hội đồng chấm thi.

4. Phương thức hoạt động:

a) Thành lập các đoàn kiểm tra hoặc cử các ủy viên đi kiểm tra ở các địa phương, đơn vị dự thi;

b) Phối hợp với hoạt động của các đoàn thanh tra thi.

Điều 45. Ban Chỉ đạo thi cấp tỉnh

Hàng năm, mỗi tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương thành lập một Ban Chỉ đạo thi cấp tỉnh, nhằm thống nhất chỉ đạo các kỳ thi trên địa bàn.

1. Thành phần:

a) Trưởng ban: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Phó Trưởng ban:

- Phó Trưởng ban thường trực: Giám đốc sở giáo dục và đào tạo;

- Các Phó Trưởng ban: 01 lãnh đạo công an tỉnh, 01 lãnh đạo sở tài chính;

c) Ủy viên: Lãnh đạo và chuyên viên của các sở, ngành: giáo dục và đào tạo, y tế, bưu chính viễn thông, điện lực và các cơ quan có liên quan.

2. Nhiệm vụ:

a) Chỉ đạo việc tổ chức các kỳ thi tại địa phương theo Quy chế thi và văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ, Quy chế thi của các Hội đồng in sao đề thi, Hội đồng coi thi, Hội đồng chấm thi, Hội đồng phúc khảo;

c) Động viên, khuyến khích những nhân tố tốt, phát hiện những việc làm sai hoặc vi phạm Quy chế thi của tập thể hoặc cá nhân, kiến nghị cách giải quyết;

d) Thu thập ý kiến của thí sinh, cán bộ, giáo viên làm công tác thi và của nhân dân đối với các kỳ thi;

đ) Báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Bộ Giáo dục và Đào tạo về hoạt động của Ban Chỉ đạo thi, tình hình tổ chức các kỳ thi và việc thực hiện Quy chế thi ở địa phương;

e) Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, các cấp có thẩm quyền khen thưởng những người có thành tích; kỷ luật những người vi phạm Quy chế thi.

3. Quyền hạn:

a) Yêu cầu sở giáo dục và đào tạo, các Hội đồng in sao đề thi, Hội đồng coi thi, Hội đồng chấm thi, Hội đồng phúc khảo báo cáo về công tác chuẩn bị, tổ chức thi;

b) Trực tiếp kiểm tra các hồ sơ thi, phòng thi của Hội đồng coi thi hoặc xem các bài thi đã chấm của Hội đồng chấm thi, Hội đồng phúc khảo sau khi đã báo cho Chủ tịch Hội đồng;

c) Nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của các Hội đồng in sao đề thi, Hội đồng coi thi, Hội đồng chấm thi, Hội đồng phúc khảo; động viên và phát huy những nhân tố tốt; chỉ rõ những thiếu sót, sai phạm (nếu có) và yêu cầu sửa chữa ngay;

d) Trong trường hợp phát hiện những sai phạm nghiêm trọng về Quy chế thi, phải báo cáo Ban Chỉ đạo thi Trung ương giải quyết.

4. Các Hội đồng in sao đề thi, Hội đồng coi thi, Hội đồng chấm thi, Hội đồng phúc khảo có trách nhiệm thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ban Chỉ đạo thi cấp tỉnh; nếu có vấn đề chưa thống nhất phải báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Giáo dục và Đào tạo để xem xét giải quyết. Trong khi chờ giải quyết, vẫn phải thực hiện theo ý kiến của Ban Chỉ đạo thi cấp tỉnh.

5. Ban Chỉ đạo thi cấp tỉnh thành lập bộ phận thường trực làm nhiệm vụ chỉ đạo trực tiếp đối với kỳ thi.

Điều 46. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện

1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Chỉ đạo sở giáo dục và đào tạo thực hiện đầy đủ, nghiêm túc Quy chế thi và các văn bản hướng dẫn về kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

b) Duyệt phương án, kế hoạch và kinh phí tổ chức kỳ thi do sở giáo dục và đào tạo trình. Giao nhiệm vụ cho UBND cấp huyện và các sở, ban, ngành có liên quan của cấp tỉnh về tổ chức kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông.

c) Ra quyết định thành lập Ban Chỉ đạo thi cấp tỉnh.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi để sở giáo dục và đào tạo tổ chức tốt kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông ở địa phương (nếu có).

Điều 47. Sở giáo dục và đào tạo

1. Chỉ đạo và kiểm tra việc hoàn thành kế hoạch dạy học, đánh giá xếp loại học sinh ở các trường phổ thông; tổ chức việc chuẩn bị hồ sơ, sổ sách và điều kiện về cơ sở vật chất cho kỳ thi.

2. Trình UBND tỉnh ra quyết định thành lập Ban Chỉ đạo thi cấp tỉnh; đề nghị phê duyệt phương án, kế hoạch và kinh phí tổ chức kỳ thi.

3. Xây dựng phương án tổ chức coi thi và thực hiện toàn bộ công việc chuẩn bị coi thi tại địa phương:

- Thành lập các Hội đồng coi thi;

- Nhận đĩa mềm chứa danh sách thí sinh đăng ký dự thi theo từng môn thi ngoại ngữ từ các trường phổ thông;

- Lập danh sách thí sinh theo Hội đồng coi thi;

- Lập danh sách thí sinh theo phòng thi;

- Lập danh sách các phòng thi theo Hội đồng coi thi;

- Bàn giao cho trường phổ thông tệp chứa danh sách thí sinh dự thi đã có số báo danh;

- Bàn giao danh sách thí sinh theo phòng thi cho các Hội đồng coi thi.

4. Ra quyết định thành lập các Hội đồng in sao đề thi, Hội đồng coi thi, Hội đồng chấm thi, Hội đồng phúc khảo kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông.

5. Tổ chức chỉ đạo, kiểm tra việc tổ chức kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông của địa phương, bao gồm: công tác chuẩn bị cho kỳ thi, in sao đề thi, coi thi, chấm thi, phúc khảo, giải quyết các khiếu nại, tố cáo về thi theo Quy chế thi và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Tổ chức công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp trung học phổ thông cho thí sinh.

7. Tổng kết đánh giá kết quả tổ chức thi ở địa phương và thực hiện việc khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, giáo viên, thí sinh trong phạm vi quyền hạn quy định; đề nghị các cấp có thẩm quyền khen thưởng, kỷ luật theo Quy chế thi và các quy định của pháp luật đối với những người tham gia làm công tác thi.

Điều 48. Cục Nhà trường - Bộ Quốc phòng

1. Cục Nhà trường chịu trách nhiệm trước Bộ Quốc phòng và Bộ Giáo dục và Đào tạo về toàn bộ công tác chỉ đạo, tổ chức kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông trong Quân đội; thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều 47 của Quy chế này.

2. Cục trưởng Cục Nhà trường trình Bộ Tổng Tham mưu - Bộ Quốc phòng thành lập Ban Chỉ đạo thi tương đương Ban Chỉ đạo thi cấp tỉnh.

Điều 49. Đại học, học viện, trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp

1. Chấp hành sự chỉ đạo và phân công của Bộ Giáo dục và Đào tạo; phối hợp với các sở giáo dục và đào tạo trong công tác tổ chức kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông.

2. Lựa chọn cán bộ, giảng viên tham gia thanh tra kỳ thi trên địa bàn theo đề nghị của Ban Chỉ đạo thi cấp tỉnh hoặc theo sự điều động của Ban Chỉ đạo thi Trung ương.

3. Bố trí kinh phí đi lại, kinh phí ăn ở cho tất cả cán bộ, giảng viên của đơn vị tham gia kỳ thi.

Điều 50. Trường phổ thông

1. Hoàn thành chương trình dạy học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tổ chức tốt việc ôn tập cho người học.

2. Tổ chức kiểm tra trình độ kiến thức văn hóa, xếp loại học lực cho những người tự học khi được sở giáo dục và đào tạo giao trách nhiệm.

3. Tổ chức cho cán bộ, giáo viên và thí sinh học tập Quy chế thi, nội quy thi theo chỉ đạo của sở giáo dục và đào tạo.

4. Kiểm tra, hoàn chỉnh việc đăng ký dự thi, hồ sơ dự thi của người học tại nhà trường theo quy định; hướng dẫn lập hồ sơ xin dự thi, tiếp nhận hồ sơ xin dự thi của thí sinh tự do.

5. Tham gia tập huấn và sử dụng có hiệu quả phần mềm quản lý thi theo yêu cầu của kỳ thi.

6. Quản lý hồ sơ dự thi của thí sinh:

a) Kiểm tra toàn bộ hồ sơ đăng ký dự thi và các hồ sơ có liên quan đến kỳ thi, xem xét điều kiện dự thi của thí sinh, xác nhận tư cách thí sinh, quyết định không cho thí sinh dự thi nếu không đủ điều kiện và hồ sơ hợp lệ;

b) Lập danh sách thí sinh dự thi theo điểm a khoản 2 Điều 10 của Quy chế này; giao danh sách có ký xác nhận của Thủ trưởng trường phổ thông và đĩa CD chứa danh sách đó cho sở giáo dục và đào tạo để lập danh sách thí sinh dự thi và xếp phòng thi;

c) Bảo quản đầy đủ hồ sơ dự thi và danh sách thí sinh đăng ký thi theo quy định của sở giáo dục và đào tạo; xuất trình kịp thời phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra và yêu cầu sửa chữa (nếu có);

d) Làm thẻ dự thi cho thí sinh đăng ký dự thi tại trường.

7. Tiếp nhận đơn, lập danh sách xin phúc khảo bài thi và chuyển đến sở giáo dục và đào tạo.

8. Tạo mọi điều kiện về cơ sở vật chất, an toàn cho Hội đồng coi thi nếu được chọn làm địa điểm thi.

9. Thông báo kết quả thi, kết quả xét tốt nghiệp, cấp giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời, phát bằng tốt nghiệp cho học sinh, lưu trữ hồ sơ thi theo quy định./.

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng